

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIÊN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
A	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP		2.683,52	3.553,16	73,12	3.478,73					
I	Đất trụ sở cơ quan										
a	Công trình chuyển tiếp										
1	Tòa án nhân dân	TSC	0,60	0,60		0,60	DCH:0,6	Báo cáo số 129/BC-STNMT ngày 09/5/2019 của STNMT Về việc xem xét việc hoán đổi đất xây dựng trụ sở Tòa Án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.	Pháo Đài	XY:496905.257,1148127.646 XY: 496840.460,1147992.83	2021
2	Trụ sở viện kiểm sát nhân dân	TSC	0,36	0,36		0,36	DVH:0,36	Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2018 về việc đăng ký bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2018 thành phố Hà Tiên - tỉnh Kiên Giang- BC số 128/BC-STNMT ngày 08/05/2019 về việc xem xét hoán đổi đất xây dựng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân	Pháo Đài	XY:497578.968,1147876.826 XY:497609.916,1147835.186	2021
3	Xây dựng trụ sở Đảng ủy - Ủy ban nhân dân phường Mỹ Đức	TSC	0,50	0,50		0,50	DVH:0,5	Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 24/07/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Mỹ Đức	X=496198.29; Y=1151036.02 X=496163.91; Y=1151088.30	2021
4	Trung tâm hành chính xã Tiên Hải	TSC	0,54	0,54		0,54	ONT:0,54	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Tiên Hải	X=495177.42; Y=1143838.44 X=495225.80; Y=1143800.24	2021
5	Liên đoàn lao động	TSC	0,03	0,03		0,03	DCH:0,03	Công văn số 4441/VP-KTCN ngày 30/07/2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Pháo Đài	X=496779.20; Y=1148101.74 X=496776.10; Y=1148094.40	2021-2025
6	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Thuận Yên	TSC	0,62	0,62		0,62	DGD:0,62	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2018	Thuận Yên	XY:501247.362,1145289.693 XY:501217.033,1145234.595	2021
b	Công trình đăng ký mới thời kỳ 2021-2030										
7	Chốt dân quân đường Xuông	TSC		1,11	0,25	0,86	LUK	Tờ trình số 180/TTr-BCH ngày 20/05/2020 của Ban chỉ huy quân sự thành phố Hà Tiên về việc đề nghị thực hiện thu hồi đất để mở rộng các Chốt dân quân trên địa bàn thành phố Hà Tiên	Mỹ Đức	XY=495884.48,1153120.37 XY=495922.64,1153018.23	2021-2025
8	Chốt dân quân Bà Lý	TSC		1,01	0,18	0,83	RPH	Tờ trình số 180/TTr-BCH ngày 20/05/2020 của Ban chỉ huy quân sự thành phố Hà Tiên về việc đề nghị thực hiện thu hồi đất để mở rộng các Chốt dân quân trên địa bàn thành phố Hà Tiên	Mỹ Đức	XY=494532.65,1150404.42 XY=494598.08,1150206.56	2021-2025
9	Chốt dân quân Miếu Cậu	TSC		1,01	0,67	0,6	NTS	Tờ trình số 180/TTr-BCH ngày 20/05/2020 của Ban chỉ huy quân sự thành phố Hà Tiên về việc đề nghị thực hiện thu hồi đất để mở rộng các Chốt dân quân trên địa bàn thành phố Hà Tiên	Đồng Hồ	XY=501705.55,1152318.27 XY=501835.37,1152326.98	2021-2025
10	Trụ sở Đảng ủy - UBND phường Đồng Hồ	TSC		0,5		0,5	CLN	UBND phường đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Đồng Hồ		2021-2030
11	Trụ sở UBND phường Pháo Đài	TSC		0,4		0,4	DKV	UBND phường đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Pháo Đài		2021-2030
12	Trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên và kho vật chứng	TSC		0,2	0,2			Công văn số 344/UBND-TNMT ngày 28/10/2019 của UBND thành phố Hà Tiên về việc chấp thuận chủ trương giao đất xây dựng Trụ sở Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên và kho vật chứng	Pháo Đài	XY=496848.75,1148059.80 XY=496821.78,1148043.88	2021-2030
II	Đất quốc phòng:										
a	Công trình chuyển tiếp										
1	Đất làm kho tàng tỉnh	CQP	12,00	12,00		12,00	CLN:5/NTS:7		Hà Tiên		2021-2030
2	Bến lên xuống hàng quân sự	CQP	0,50	0,50		0,50	CLN:0,2/CQP:0,25/ MNC:0,05	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2018; Quyết định 113 ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang	Pháo Đài	XY:501815.962,1152256.525 XY:501815.962,1152217.421	2021
3	Thao trường huấn luyện tổng hợp	CQP	5,80	5,80		5,80	CLN:5,8		Pháo Đài	XY:497982.677,1147550.903 XY:497978.928,1147500.245	2021-2030
4	Mở rộng Trung đoàn 20	CQP	4,20	4,20		4,20	CLN:4,2	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2018	Tô Châu	XY:495841.607,1148224.057 XY:495913.049,1148353.487	2021
5	Ban chỉ huy quân sự thành phố Hà Tiên	CQP	1,50	1,50		1,50	CLN:1,5		Thuận Yên	XY:499677.832,1145729.592 XY:499132.557,1146167.064	2021-2030
6	Thao trường huấn luyện tổng hợp núi Nhọn	CQP	110,00	110,00	20,66	89,34	CLN:30/ RPH:27,89/ NTS:31,05/ ODT:0,40/ CQP:20,66	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2018; (Thông báo số 766 ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang)	Thuận Yên	XY:502342.257,1143238.825 XY:502489.553,1144703.502	2021

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
7	Tiểu đoàn bộ binh 893	CQP	18,88	18,88		18,88	CLN:18,88	Đã được phê duyệt trong kế hoạch 2015	Thuận Yên	XY:501050.499,1144842.243 XY:500970.189,1144642.252	2021
8	Mở rộng khu trận địa pháo ĐKZ 12,7mm tại Mũi Gành, ấp Rạch Vượt, xã Thuận Yên, thành phố Hà Tiên	CQP	0,27	0,27		0,27	BCS:0,27	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2018	Thuận Yên	XY:499980.064,1145278.806 XY:499965.787,1145259.905	2021
9	Đội sản xuất 2/Đoàn KTQP 915	CQP	0,78	0,78		0,78	CLN:0,78	Công văn số 420/DKTQP-TM ngày 28 tháng 08 năm 2019 của Bộ tư lệnh Quân khu 9 - Đoàn Kinh tế quốc phòng 915 về việc đề nghị bổ sung quy hoạch vị trí Đứng chân Đội sản xuất 2/Đoàn KTQP 915	Tiên Hải	X=496169.00, Y=1141560.57 X=496055.18, Y=1141497.92	2021
b	Công trình đăng ký mới thời kỳ 2021-2030										
10	Cụm điểm tựa Mỹ Đức/Hà Tiên/Kiên Giang	CQP		9,80		9,80	LUK:2,3/ CLN:6,3/ ODT:1,2		Mỹ Đức		2022
11	Trận địa pháo phòng thủ ven biển	CQP		0,80		0,80	CLN	Công văn số 1329/TĐ-TH ngày 23/08/2021 của Trung đoàn 20 về việc xin giao lại khu đất tại Công C nhằm bố trí trận địa pháo, sử dụng vào khu vực phòng thủ ven biển của Trung đoàn 20	Tô Châu		2022
III	Đất an ninh:										
a	Công trình chuyển tiếp										
1	Công an thành phố Hà Tiên (Xây mới)	CAN	3,04	2,54		2,54	DTT	Công văn số 563/STNMT-QLDD ngày 20/06/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường	Đông Hồ	XY:498726.629,1148935.802 XY:498729.447,1148929.209	2021
2	Phòng PH 41 (PH12)	CAN	1,33	1,33	1,33				Pháo Đài		
3	Nhà làm việc công an các xã: Tiên Hải, Thuận Yên	CAN	0,26	0,14		0,14	CLN:0,08/ CQP:0,06	Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 24/08/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 do Công an tỉnh quản lý	Thuận Yên, Tiên Hải	XY:496172.794,1151181.604 XY:495196.784,1143739.531 XY:501432.159,1145388.506	2021
-	Nhà làm việc công an xã Tiên Hải	CAN		0,06		0,06	CQP	nt	Tiên Hải	XY=481360.93,1140744.34 XY=481396.95,1140741.66	2021
-	Nhà làm việc công an xã Thuận Yên	CAN		0,08		0,08	CLN	nt	Thuận Yên	XY=501261.45,1145369.78 XY=501227.46,1145307.82	2021
4	Trụ sở Công an phường Mỹ Đức	CAN	0,12	0,13		0,13	CLN:0,09/ ODT:0,04	Công văn số 1411/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kiên Giang	Mỹ Đức	X=496204.58;Y=1151151.17 X=496175.72;Y=1151182.66	2021
b	Công trình đăng ký mới thời kỳ 2021-2030										
5	Nhà ở doanh trại cho CBCS Công an xã Tiên Hải	CAN		0,02		0,02	ONT	Công văn số 804/VP-TH ngày 26/06/2020 của Văn phòng UBND thành phố về việc thông nhất chủ trương bố trí lô nền tại Khu tái định cư Tiên Hải để xây dựng nhà công vụ cho Công an và trụ sở ấp Hòn Tre	Tiên Hải	XY=481320.73,1140795.07 XY=481317.48,1140811.29	2021
IV	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp										
1	Cụm công nghiệp Hà Giang	SKN	50,00	50,00		50,00	NTS:50	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2015	Thuận Yên	XY:504703.945,1144840.073 XY:504633.338,1144890.387	
V	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh:										
a	Công trình chuyển tiếp										
1	Trụ sở nhà máy cấp nước thành phố Hà Tiên	SKC	0,05	0,05		0,05	ODT:0,05		Pháo Đài	X=496911.10; Y=1148038.61 X=496840.46; Y=1147992.88	2021-2030
2	Nhà máy cấp nước sinh hoạt Hà Tiên	SKC	3,00	3,00		3,00	CLN:3		Thuận Yên	XY:501908.505,1145297.683 XY:501636.135,1144992.233	2021-2030
b	Công trình đăng ký mới thời kỳ 2021-2030										
3	Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Tân Huy Hoàng	SKC		0,25		0,25	NTS	UBND phường đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Đông Hồ	XY=499418.82,1150503.29 XY=499459.78,1150560.50	2021-2030
4	Bố trí chi tiêu dự phòng cho hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất sang đất sản xuất kinh doanh	SKC		117,64		117,64	NTS	Nhu cầu sử dụng đất của HGD cá nhân	các phường, xã		2021-2030
VI	Đất thương mại dịch vụ										
a	Công trình chuyển tiếp										
*	Trung tâm thương mại, siêu thị		0,00	0,00							
1	Khu Bảo Thuế Xá Xía	TMD	27,60	27,60		27,60	LUK:25,3/ CLN:2,3		Mỹ Đức	XY:495545.551,1152121.173 XY:495516.925,1152154.132	2021-2030

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
 CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
2	Khu kinh tế cửa khẩu	TMD: 30ha/ ODT: 30ha/ DHT:10,78ha	71,28	71,28		71,28	LUK:18/ CLN:35,99/ ODT:10,7/ DGT:5,79/ MNC:0,6 NTS: 0,2	Quyết định số 32/2000/QĐ-TTg ngày 03/03/2000 của Thủ Tướng Chính Phủ	Mỹ Đức, Đồng Hồ, Bình San, Pháo Đài	XY:495980.779,1152354.942 XY:495975.543,1152320.352	2021-2030
3	Cửa hàng miễn Thuế - Chợ biên giới	TMD	2,00	2,00		2,00	LUK:1,6/ CLN:0,4		Mỹ Đức	XY:494594.737,1152894.155 XY:494700.801,1152925.639	2021-2030
*	Cửa hàng xăng dầu										
4	Cửa hàng xăng dầu p.Tô Châu	TMD	0,15	0,15		0,15	CLN:0,15		Tô châu		
5	Cửa hàng xăng dầu xã Tiên Hải	TMD	0,10	0,10		0,10	CLN:0,1		Tiên Hải		
b	Công trình đăng ký mới thời kỳ 2021-2030										
6	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Kiên Giang	TMD		0,72	0,51	0,21	LUK	Thửa 61 tờ 11	Pháo Đài	XY=494106.29,1147929.86 XY=494040.95,1147917.39	2021-2030
7	Chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ (Hộ bà Hóc Sun Nái)	TMD		0,28		0,28	CLN	Công văn số 1292/UBND-KT ngày 20/08/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc chấp thuận điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Hà Tiên	Pháo Đài	XY=494471.41,1147986.70 XY=494486.59,1147985.68	2021-2030
8	Khu nghỉ dưỡng Viên Kim Cương Resort	TMD		1,25		1,25	LUK;CLN	UBND phường đăng ký theo nhu cầu của doanh nghiệp	Pháo Đài	XY=494080.50,1148095.08 XY=494113.31,1148018.24	2021-2030
*	Cửa hàng xăng dầu										
9	Cửa hàng xăng dầu phường Bình San	TMD		0,30		0,30	CLN	Phòng Kinh tế đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Bình San		2021-2030
10	Cửa hàng xăng dầu phường Mỹ Đức	TMD		0,30		0,30	CLN	Phòng Kinh tế đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Mỹ Đức		2021-2030
11	Cửa hàng xăng dầu phường Pháo Đài	TMD		0,30		0,30	CLN	Phòng Kinh tế đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Pháo Đài		2021-2030
12	Bố trí chi tiêu dự phòng cho hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ	TMD		70,70		70,70		Nhu cầu sử dụng đất của HGD cá nhân	các phường, xã		2021-2030
*	Bố trí các khu đất, thửa đất thực hiện thủ tục bán đấu giá quyền sử dụng sang đất thương mại dịch vụ:										
13	Khu du lịch Đồi Nai Vàng (Khu 2)	TMD		4,41		4,41	BCS	Thông báo số 1600-TB/TU ngày 02/07/2020 của Thành Ủy Hà Tiên về kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về Tờ trình số 144/TTr-UBND ngày 29/06/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố	Pháo Đài	XY=493775.80,1148319.93 XY=493748.31,1148159.00	2021
14	Thuê đất để đầu tư xây dựng chợ hải sản sông và dịch vụ du lịch, thương mại tại khu đô thị mới phường Pháo Đài	TMD		0,60		0,60	DKV	Công văn số 198/BC-STNMT ngày 04/07/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên xin chủ trương cho thuê đất và khảo sát giá đất cho thuê để đầu tư xây dựng chợ hải sản sông và dịch vụ du lịch, thương mại tại khu đô thị mới phường Pháo Đài	Pháo Đài	XY=497038.57,1147952.12 XY=497037.04,1147910.71	2021
15	Đấu giá quỹ đất công để cho thuê đất phát triển du lịch sinh thái tại hòn Đồi Mỏ nhỏ thuộc ấp Hòn Giang	TMD		0,92		0,92	BCS	Thông báo số 1316-TB/TU ngày 28/05/2020 của Thành Ủy Hà Tiên về kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 27/05/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố	Tiên Hải	XY=470970.00,1128768.22 XY=470993.66,1128721.53	2021-2030
VII	Đất di tích danh thắng										
1	Di tích thắng cảnh Mũi Nai	DDT	18,91	18,91	4,61	14,30	LUK:9,8/ CLN:4,5		Pháo Đài	XY:493747.773,1148159.821 XY:493770.757,1148125.767	2021
VIII	Đất bãi thải, xử lý chất thải										
1	Bãi rác Mương Đào	DRA	6,90	10,00	3,10	6,90	CLN:6,9	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 24/07/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên: Về kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Tiên.	Đồng Hồ	XY:499205.889,1149930.182 XY:499091.452,1149933.014	2021
2	Trạm trung chuyển chất thải rắn đô thị (KP5)	DRA	0,30	0,30		0,30	CLN:0,3		Đồng Hồ		
IX	Đất nghĩa trang, nghĩa địa:										
1	Nghĩa trang liệt sỹ thành phố (mở rộng)	NTD	6,11	6,11	4,86	1,25	CLN	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2018	Pháo Đài	XY:495795.773,1148075.394 XY:495840.740,1148024.236	2021-2030
X	Đất giao thông:										
a	Công trình chuyển tiếp										
	Quốc lộ										
1	Quốc lộ 80 (có đoạn trùng Đường HLVB)	DGT									
1.1	Đoạn qua phường Tô Châu	DGT	6,51	6,51		6,51	CLN:4,51/ ODT:1/ DGT:1		Tô châu		

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
 CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
1.2	Cải tạo nâng cấp và mở rộng QL 80	DGT	8,00	8,00		8,00	CLN:3/ODT:2/ DGT:3	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Thuận Yên	X=499703.26; Y=1145738.76 X=502899.99; Y=1141162.52	2021
1.2.1	- Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 80 đoạn từ Km188+700 (nút giao TT Ba Hòn Kiên Lương) đến Km204+300 (nút giao quốc lộ N1, thành phố Hà Tiên	DGT		5,60		5,60	LUK:1,50ha CLN:3,60ha ONT:0,50ha	- Nghị quyết 154/2020/NQ-HĐND ngày 15/07/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên về Dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách thành phố - Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang; - Nghị quyết số 320/2020/NQ-HĐND ngày 17/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc bổ sung Danh mục dự án cần thu hồi đất;	Thuận Yên		2021
1.2.2	- Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 80 đoạn từ Km 204+455 đến Km 206+980 (ngã ba cây bàng - Tượng đài Mạc Cửu)	DGT		2,40		2,40	LUK:0,80ha CLN:1,20ha ONT:0,40ha	- Nghị quyết 154/2020/NQ-HĐND ngày 15/07/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên về Dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách thành phố '- Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	Thuận Yên; Tô Châu		2021
2	Dự án đường cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu	DGT	16,94	20,50		20,50	CLN:0,57/ NTS:17,81/ ONT:0,03/ DGT/1,50/ SON:0,59	Công văn số 1225/SGTVT-KHTC ngày 16/11/2020 của Sở giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang về việc đề xuất nhu cầu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 ngành Giao thông vận tải	Thuận Yên		
3	Mở rộng Quốc lộ N1 (QL80 - Cầu Hà Giang)	DGT	16,93	16,93		16,93	CLN:0,56/ NTS:15,75/ ONT:0,03/ SON:0,59	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thuận Yên	XY=501284.70,1145215.47 XY=501809.35,1146132.11	2021
4	Đường tuần tra Biên giới										
	- Đoạn qua phường Mỹ Đức	DGT	26,60	26,60		26,60	LUK:12,9/ CLN:5,5/ RPH:8,2/		Mỹ Đức	XY:493389.731,1152681.212 XY:499158.695,1151056.779	
	- Đoạn qua phường Đông Hồ	DGT	25,90	25,90		25,90	CLN:7,5/ RPH:10,2/ NTS:8,2		Đông Hồ	XY:499158.695,1151056.779 XY:502924.666,1155229.202	
5	Đường bộ ven biển										
	- Đoạn qua phường Mỹ Đức	DGT	16,80	16,80		16,80	CLN:9,5/ NTS:7,3		Mỹ Đức	XY:493389.731,1152681.212 XY:499158.695,1151056.779	
	- Đoạn qua phường Pháo Đài	DGT	18,20	18,20		18,20	CLN:9,5/ NTS:8,7		Pháo Đài	XY:497577.124,1148266.447	
	Tỉnh lộ										
6	Mở rộng Tỉnh lộ 28 (đoạn Ao sen – cầu Đồn Tả)	DGT	1,12	1,12	0,99	0,13	ODT:0,13	Nghị quyết 138/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của HĐND tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Bình San; Pháo Đài	X=497580.21;Y=1148273.96 X=498014.07;Y=1148308.39	2021
7	Đường ra cửa khẩu quốc tế Hà Tiên - Kiên Giang (TL28)										
7.1	Đoạn qua phường Mỹ Đức	DGT	0,98	0,98		0,98	LUK:0,38/ CLN:0,3/ NTS:0,06/ ODT:0,22/ CQP:0,01/ DTL:0,01	Nghị quyết số 153/NQ-HĐND ngày 15/07/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên về Dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách tỉnh và Trung ương Quyết định số 253/NQ-HĐND ngày 21/10/2019 của Hội đồng nhân dân	Mỹ Đức	XY:495061.040,1152502.669 XY:494868.905,1150042.271	2021

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
7.2	Đoạn qua phường Pháo Đài	DGT	12,16	12,16		12,16	LUK:3,02/ CLN:9,14/ ODT:0,06	21/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đường ra cửa khẩu quốc tế Hà Tiên - Kiên Giang	Pháo Đài	XY:494721.721,1147426.240 XY:494845.981,1150025.068	2021
-	Đường ra cửa khẩu quốc tế Hà Tiên giai đoạn 2 (cổng sau KDL Mũi Nai - đường vào cột mốc 314)	DGT		1,20		1,20	LUK 1,00; CLN 0,18; ODT 0,02;	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Mỹ Đức, Pháo Đài	XY=494874.67,1150126.38 XY=494325.32, 1148411.87	2021
-	Nâng cấp đường Tỉnh lộ 28 đoạn từ khu du lịch Mũi Nai đi QL80, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang	DGT		10,96		10,96	LUK: 2,02/ CLN:8,90/ ODT: 0,04		Pháo Đài	XY=494325.34,1148411.79 XY=497459.81,1148340.05	
	Đường huyện										
8	Đường Hoành Tấu - Bãi Nò (giai đoạn 2)	DGT	3,50	3,50	2,38	1,12	LUK:0,09/ CLN:0,03/ ODT:1/ DGT:2,38	Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 24/07/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên	Pháo Đài	XY:495900.018,1147506.513 XY:494720.168,1147009.362	2021
9	Đường nhánh vào đồn biên phòng Hà Tiên (từ chốt gác quốc phòng Mương Đào đến trạm kiểm soát biên phòng Vàm Hăng) giai đoạn 2	DGT	5,70	5,70		5,70	NTS:2,7/ ODT:2/DGT:1	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	Đồng Hồ	XY:500087.811,1151125.538 XY:501923.051,1152223.465	2021
10	Đường vào cột mốc 308 biên giới Việt Nam - Campuchia	DGT	2,50	2,50	1,30	1,20	CLN:1/RPH:0,2	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Đồng Hồ	XY:504440.309,1150503.398 XY:502149.689,1152362.535	2021
11	Nâng cấp hệ thống thoát nước đường núi đèn	DGT	0,30	0,30		0,30	ODT:0,3	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 24/07/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên: Về kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Tiên.	Pháo Đài	X=493994.56; Y=1147702.72 X=493877.35; Y=1147143.05	
12	Đường cấp kênh Đồn Tà (đoạn núi Pháo Đài - cầu Đồn Tà)	DGT	0,30	0,30		0,30	CLN:0,3	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2018 Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Pháo Đài	XY:4497600.158,1148003.26 XY:497526.980,1148278.352	2021
13	Đường cấp kênh Đồn Tà	DGT	26,37	26,37		26,37	LUK:6,34/ CLN:7,36/ NTS:2,98/ ODT:6,42/ CQP:2,94/ DVH:0,33	Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 19/9/2017 của UBND thành phố Hà Tiên về việc chấp thuận điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2016 - 2020 đã được Ban Chấp hành Đảng bộ Thị ủy thống nhất tại Thông báo số 687/TB-TU ngày 06/10/2017 Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Pháo Đài, Bình San, Mỹ Đức	XY:497537.948,1148584.449 XY:496735.052,1149258.079 XY:494879.642,1150146.540	2021
14	Đường cấp kênh Mương Đào, HM: Nền- mặt đường	DGT	8,88	2,54		2,54	NTS	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 24/07/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên: Về kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Tiên.	Đồng Hồ	XY:499142.771,1149794.684 XY:498724.420,1150493.500	2021
	Đường nội đô và đường nông thôn										
15	Đường Kênh Rạch Giá - Hà Tiên (bờ Nam)	DGT	5,25	5,25		5,25	NTS:5,25		Thuận Yên	XY:507165.486,1143221.588 XY:502130.299,1146477.805	
16	Đường Kênh Rạch Giá - Hà Tiên (bờ Bắc)	DGT	1,96	1,96		1,96	NTS:1,96		Thuận Yên	XY:501328.143,1147229.728 XY:502151.067,1146685.928	
17	Đường Kênh Hà Giang (tuyến KDC vượt lũ)	DGT	0,20	0,20		0,20	NTS:0,2		Thuận Yên	XY:502195.100,1146659.017 XY:502705.433,1147506.296	
18	Đường Kênh Núi Đồng (bờ Đông)	DGT	0,81	0,81		0,81	ONT:0,81		Thuận Yên	XY:503412.068,1144032.757 XY:503943.395,1143632.642	
19	Đường và cầu liên ấp Rạch Núi, Rạch Vược	DGT	0,02	0,02		0,02	ONT:0,01/ SON:0,01	Nghị quyết 70/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 07 năm 2018 của HĐND tỉnh Kiên Giang về việc phê chuẩn điều chỉnh danh mục và vốn các công trình đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 trên địa bàn thành phố Hà Tiên	Thuận Yên	XY:500521.854,1145046.981 XY:500430.213,1145073.984	2021
20	Đường vào cụm công nghiệp Hà Giang	DGT	1,38	1,38		1,38	CLN:1,38	Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Thuận Yên	XY:503448.867,1143259.743 XY:504878.472,1144718.285	2021
21	Đường Kênh 1000 (bờ Bắc)	DGT	1,39	1,39		1,39	NTS:1,19/ DGT:0,2		Thuận Yên	XY:505279.760,1143319.741 XY:502541.098,1145130.379	
22	Đường trục chính đầu nối KCN Thuận Yên	DGT	8,50	8,50		8,50	CLN:1,5/ODT:2/ ONT:2/DGT:1/ DTL:1/TMD:1	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 24/07/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên: Về kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Tiên.	Tô Châu; Thuận Yên	X=501577.18;Y=1145814.59 X=500782.67; Y=1147023.07	2021

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
23	Đường số 1 tổ 1 đến tổ 5 ấp Thạch Động phường Mỹ Đức	DGT	3,47	3,47		3,47	CLN:0,2/ NTS:3,27		Mỹ Đức	XY:496367.199,1150011.489 XY:497424.947,1150414.514	2021
24	Đường số 7 tổ 1 đến tổ 5 ấp Thạch Động phường Mỹ Đức	DGT	1,90	1,90		1,90	CLN:0,06/ NTS:1,84		Mỹ Đức	XY:496740.952,1150171.771 XY:496889.387,1149905.520	2021
25	Khu TĐC và dân cư Mỹ Đức (GD 2) HM: Đường cấp phối sỏi đỏ 8,18,19,26,29	DGT	1,20	1,20		1,20	CLN:0,4/ NTS:0,2/ ODT:0,4/ DGT:0,2	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 24/07/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên: Về kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Tiên.	Mỹ Đức	X=497071.59; Y=1149803.47 X=497070.60; Y=1149575.08	2021
26	Đường số 1, phường Đông Hồ	DGT	0,90	0,90		0,90	CLN:0,7/ ODT:0,2	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 23/10/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên về Danh mục công trình bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 Nghị quyết 154/2020/NQ-HĐND ngày 15/07/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên về Dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách thành phố	Đông Hồ	X=498209.83; Y=1149164.50 X=498399.67; Y=1148837.44	2021
27	Đường nhánh Tinh lộ 28 - Khu TĐC Bình San	DGT	1,80	1,80		1,80	CLN:1/NTS:0,8	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết 154/2020/NQ-HĐND ngày 15/07/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên về Dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách thành phố	Pháo Đài	X=497160.26; Y=1148401.68 X=497180.17; Y=1148672.57	2021
28	Đường nối dài khu dân cư phường Bình San tới đường Giếng Tượng	DGT	1,88	1,88		1,88	CLN:1,88		Pháo Đài; Bình San	XY:496585.701,1149360.433 XY:494458.709,1148683.110	2021-2030
29	Bãi đậu xe đường lên ngọn Hải Đăng	DGT	0,67	0,67		0,67	CLN:0,67		Pháo Đài		2021-2030
30	Nâng cấp đường quanh đảo Hòn Đốc	DGT	2,20	2,20		2,20	BCS:2,2	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	Tiên Hải	X=495805.82; Y=1144341.15 X=494350.12; Y=1144429.29	2021
31	Đường Hòn Tre nhỏ	DGT	0,36	0,36		0,36	CLN:0,36		Tiên Hải	XY:493744.970,1142284.285 XY:493650.304,1142625.458	
32	Đường Hòn Ụ	DGT	1,20	1,20		1,20	CLN:1,2		Tiên Hải	XY:497172.068,1141690.884 XY:497172.068,1141690.884	
33	Đường Lam Sơn	DGT	0,50	0,50		0,50	ODT:0,5	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Đông Hồ	X=498446.39;Y=1148144.23 X=498660.51;Y=1148148.54	2021
34	Đường Mạc Thiên Tích	DGT	0,33	0,33		0,33	ODT:0,33	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Pháo Đài; Bình San	X=497917.75;Y=1147728.82 X=498527.48;Y=1148753.76	2021
35	Đường Mạc Thiên Tích nối dài	DGT	0,22	0,22		0,22	ODT:0,22	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 24/07/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên: Về kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Tiên.	Đông Hồ	X=498612.88; Y=1149096.82 X=498521.65; Y=1148806.82	2021
36	Đường Chi Lăng	DGT	0,25	0,25		0,25	ODT:0,25	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Bình San	X=498117.53;Y=1148315.02 X=498303.14;Y=1148241.39	2021
37	Đường Phạm Văn Kỳ	DGT	0,11	0,11		0,11	ODT:0,11	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	Pháo Đài	X=497885.49;Y=1147897.66 X=498024.17;Y=1148064.77	2021
38	Đường Võ Văn Ý	DGT	0,05	0,05		0,05	ODT:0,05	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	Pháo Đài	X=497854.55;Y=1148085.12 X=497877.56;Y=1147899.57	2021

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
39	Đường Cách Mạng Tháng 8	DGT	0,86	0,86		0,86	ODT:0,86	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	Tô Châu	X=498572.40;Y=1147498.96 X=498901.03;Y=1146813.62	2021
40	Đường Nguyễn Chí Thanh	DGT	0,50	0,50		0,50	ODT:0,5	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	Tô Châu	X=498465.27;Y=1147004.16 X=498870.33;Y=1147244.15	2021
41	Đường Mạc Cửu	DGT	0,34	0,34		0,34	ODT:0,34	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Bình San	X=498114.00;Y=1148367.26 X=498388.14;Y=1148360.81	2021
42	Đường Nguyễn Thần Hiến	DGT	0,03	0,03		0,03	ODT:0,03	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Bình San	X=498401.75;Y=1148217.03 X=498415.54;Y=1147995.19	2021
43	Đường Cầu Câu	DGT	0,05	0,05		0,05	ODT:0,05	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Bình San	X=498323.04 ;Y=1148211.31 X=498358.43 ;Y=1147912.73	2021
44	Đường Nhật Tảo	DGT	0,03	0,03		0,03	ODT:0,03	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Bình San	X=498390.72 ;Y=1147928.68 X=498360.04;Y=1148211.37	2021
45	Đường Phương Thành	DGT	0,37	0,37		0,37	ODT:0,37	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Bình San; Đồng Hồ	X=498425.02; Y=1148808.94 X=498463.55;Y=1147949.41	2021
46	Nâng cấp mở rộng, ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật Đường Đồng Đa và khu Đồng Hồ	DGT	0,20	0,20		0,20	ODT:0,2	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Đồng Hồ	X=498454.39; Y=1147991.50 X=498760.49;Y=1148912.58	2021
47	Nâng cấp mở rộng, ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật Đường Mạc Tử Hoàng và khu Bình San - Đồng Hồ	DGT	0,25	0,25		0,25	ODT:0,25	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	Bình San	X=498042.63; Y=1148622.82 X=498408.53; Y=1148556.96	2021
48	Đường số 15 Khu dân cư tái định cư Mỹ Đức	DGT	0,74	0,74		0,74	NTS:0,24/ODT:0,5	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	Mỹ Đức	X=496916.89; Y=1149697.16 X=496916.89;Y=1149697.16	2021
49	Đường giao thông nông thôn phường Mỹ Đức	DGT	0,13	0,13		0,13	ODT:0,13	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	Mỹ Đức		
50	Hệ thống Hạ tầng kỹ thuật đường gom - đường Nguyễn Phúc Chu	DGT	19,83	19,83		19,83	CLN:1,5/ ODT:6/ DGT:9,83/ TMD:2/ MNC:0,5	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Bình San; Pháo Đài	X=497621.24; Y=1150030.00 X=497922.72; Y=1147724.63	2021
51	Đường cấp kênh rạch Ụ	DGT	2,43	2,43		2,43	CLN:2/ODT:0,43	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Đồng Hồ	X=497913.29; Y=1149435.69 X=498662.87; Y=1149090.49	2021
52	Đường cấp kênh rạch Vược (Bờ trái)	DGT	2,50	2,50		2,50	CLN:0,5/NTS:0,5/ ONT:0,5/DGT:1	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 24/07/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên: Về kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Tiên.	Thuận Yên	X=500574.22; Y=1145476.24 X=501256.34; Y=1147042.05	2021
53	Đường liên ấp hòa phầu - Xoa Áo (giáp biển)	DGT	0,90	0,90		0,90	SON:0,9	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 23/10/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên về Danh mục công trình bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Thuận Yên	X=501498.98; Y=1143537.79 X=502947.61; Y=1141271.48	2021
54	Đường cấp kênh rạch Vược	DGT	2,50	2,50		2,50	CLN:0,5/NTS:0,5/ ONT:0,5/DGT:1	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Thuận Yên	X=501085.39; Y=1144912.93 X=500466.82; Y=1145094.78	

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
55	Mở rộng bến xe phườnɡ Tô Châu	DGT	1,39	1,39		1,39	CLN:1,39		Tô Châu	XY:498878.153,1147837.204 XY:498878.153,1147807.847	2021-2030
b	Công trình đăng ký mới thời kỳ 2021-2030										
56	Đầu tư hạ tầng bảo vệ biên giới phườnɡ Đông Hồ (nâng cấp các tuyến hẻm):							UBND phườnɡ đăng ký nhu cầu sử dụng đất			
	- Hẻm 88	DGT		0,011		0,011	CLN	UBND phườnɡ đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Đông Hồ	XY=498344.87,1148842.55 XY=498278.75,1148725.43	2021-2030
	- Hẻm 110	DGT		0,010		0,010	CLN; DTL	UBND phườnɡ đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Đông Hồ	XY=498222.52,1148845.91 XY=498180.74,1148749.39	2021-2030
	- Hẻm 288	DGT		0,014		0,014	CLN	UBND phườnɡ đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Đông Hồ	XY=498059.31,1149354.59 XY=497912.44,1149360.18	2021-2030
57	Đường 1,2,3,4,5 khu tái định cư Rạch Ụ	DGT		0,85		0,85	CLN 0,84; ODT 0,01	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Đông Hồ	XY=498059.89,1149367.38 XY=498406.29,1149066.04	2021
58	Cầu Cừ Đứt	DGT		0,05		0,05	CLN	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Đông Hồ	XY=500908.51,1149912.28 XY=500842.02,1149981.09	2021
59	Đường vành đai bảo vệ vùng lõi khu sinh kế dân cư đầm Đông Hồ, thành phố Hà Tiên	DGT		1,60		1,60	NTS	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Đông Hồ	XY=499843.62,1149155.58 XY=501480.56,1150653.15	2021
60	Đường Tà Lu	DGT		0,13		0,13	CLN	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Pháo Đài	XY=494372.23,1149286.52 XY=494494.36,1149121.33	2021
61	Đường Giếng Tượng	DGT		0,82		0,82	LUK:0,42 ha CLN:0,40 ha	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Pháo Đài	XY=495315.02,1148660.70 XY=494450.56,1148663.68	2021
62	Đường nhánh Núi Đền lên ngọn Hải Đăng	DGT		0,18		0,18	CLN: 0,10; PRH: 0,08	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Pháo Đài	XY=493926.81,1146355.55 XY=493527.82,1146422.49	2021
63	Bãi xe Khu du lịch Mũi Nai	DGT		0,30		0,30	CLN	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Pháo Đài	XY=493926.24,1148197.35	2021
64	Bãi xe Lăng Mạc Cừu	DGT		0,03		0,03	CLN	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Bình San	XY=498020.42,1148523.06 XY=498109.50,1148585.75	2021
65	Đường trục chính phườnɡ Mỹ Đức (Đường số 39)	DGT		2,50		2,50	NTS	Nghị quyết số 179/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh và Trung ương Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách thành phố	Mỹ Đức	XY=496139.32,1150808.22 XY=496639.11,1149915.75	2021-2030
67	Đường số 14 phườnɡ Tô Châu	DGT		0,16		0,16	CLN:0,10 ODT:0,06	Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách thành phố	Tô Châu	XY=498928.65,1146998.52 XY=498838.26,1146978.12	2021-2025
68	Cải tạo hệ thống thoát nước đường Ông Lch nổi dài	DGT		0,18		0,18	CLN:0,13 ODT:0,05	Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách thành phố	Tô Châu	XY=498719.46,1146495.53 XY=498806.34,1146546.18	2021-2025
69	Đường nhánh 1 (Nối QL80 với đường trục chính ven biển vào thành phố)	DGT		1,30		1,30	CLN:0,2 ha ODT: 0,1 ha BCS: 1,0 ha	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thuận Yên	XY=500687.00,1144567.76 XY=500409.57,1144283.34	2021

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIÊN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
70	Đường nhánh 2 (Nối QL80 với đường trục chính ven biển vào thành phố)	DGT		1,30		1,30	CLN:0,2 ha ODT: 0,1 ha BCS: 1,0 ha	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thuận Yên	XY=501524.72,1143564.04 XY=501324.72,1143308.04	2021
71	Đường liên ấp Hòa Phẫu - Rạch Núi (giáp biển) GTNT	DGT		0,20		0,20	CLN	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thuận Yên	XY=501498.98,1143537.79 XY=501965.64,1142969.90	2021
XI	Đất thủy lợi:										
a	Công trình chuyển tiếp										
1	Trạm bơm	DTL	0,36	0,36		0,36	NTS:0,36		Mỹ Đức		2021-2030
2	Khu xử lý nước thải	DTL	20,00	20,00		20,00	LUK:5,5/ NTS:14,5		Thuận Yên		
3	Khu xử lý nước thải	DTL	0,30	1,63		1,63	BCS:0,40ha MVB:1,23ha	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Tiên Hải	Tiên Hải	XY=480636.14,1140898.09 XY=480647.25,1140820.47	2021-2030
4	Kè mở rộng bãi biển Dinh Bà xã Tiên Hải	DTL	5,00	5,00		5,00	CLN:0,5/ DVB (lấn biển):4,5	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 24/07/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên: Về kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Tiên.	Tiên Hải	XY:495065.976,1144355.442 XY:495065.976,1144355.442	2021
5	Kè mở rộng bãi biển Bãi Nò Phường Pháo Đài	DTL	8,00	8,00		8,00	MVB :8		Pháo Đài	XY:495216.055,1146605.018 XY:495216.055,1146605.018	2021-2030
b	Công trình đăng ký mới thời kỳ 2021-2030										
6	Đường đê bao quanh đầm Đồng Hồ, thành phố Hà Tiên	DTL		5,20		5,20	CLN:2,50ha; NTS:2,70ha	Nghị quyết số 179/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh và Trung ương	Đồng Hồ	XY=502131.93,1152131.14 XY=501270.03,1147284.40	2021-2030
7	Khu neo đậu tránh trú bão Bà Lý (XL+Bồi hoàn)	DTL		1,20		1,20	NTS:0,30ha CLN:0,78ha BCS:0,12ha	Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách thành phố	Pháo Đài	XY=494658.07,1150098.22 XY=494845.98,1150025.07	2021-2025
XII	Đất năng lượng:										
a	Công trình chuyển tiếp										
1	Nhà làm việc đội liên ngành xã Tiên Hải	DNL	0,06	0,06		0,06	CLN:0,05/ ONT:0,01	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang '- Nghị quyết 154/2020/NQ-HĐND ngày 15/07/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên về Dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách thành phố	Tiên Hải	XY:495010.278,1144042.205 XY:494937.235,1144025.020	2021
2	Hệ thống móng trụ tuyến 220kV Kiên Lương - Hà Tiên	DNL	0,19	0,11		0,11	CLN:0,06/ RPH:0,04/ ONT:0,01	Công văn số 563/STNMT-QLĐĐ ngày 20/06/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường: Về việc bổ sung danh mục các dự án, công trình thu hồi đất, dự án chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018 trên địa bàn thị xã Hà Tiên.	Pháo Đài- Tiên Hải	XY:494528.412,1146465.371 XY:494528.412,1146465.371	2021
3	Đường dây 110KV Tịnh Biên-Hà Tiên	DNL	0,09	0,09		0,09	NTS:0,09	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Công văn số 2034/PCKG-KHVT của Công ty điện lực Kiên Giang: Về việc kế hoạch sử dụng đất năm 2019 công trình Đường dây 110kV Tịnh Biên - Hà Tiên.	Thuận Yên		2021
b	Công trình đăng ký mới thời kỳ 2021-2030										
4	Quỹ đất mời gọi đầu tư phát triển điện năng lượng	DNL		110		110			Mỹ Đức		2021-2030
XIII	Đất cơ sở văn hóa										
a	Công trình chuyển tiếp										
1	Trung tâm văn hóa thành phố Hà Tiên (Trụ sở làm việc, nhà đa năng, sân khấu ngoài trời, rạp chiếu phim, sân bóng đá, bóng chuyền)	DVH	5,18	5,18		5,18	CLN:5,15/ ODT:0,03	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Đồng Hồ	XY:499206.998,1149673.586 XY:498928.062,1149054.173	2021
2	Trung tâm VH TT phường Pháo Đài	DVH	0,25	0,25		0,25	CLN:0,25	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 24/07/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên: Về kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Tiên.	Pháo Đài	XY:497184.196,1148674.184 XY:497180.166,1148672.566	2021
3	Mở rộng Khu nhà lưu niệm Tao Đàn Chiêu Anh Các	DVH	1,90	1,90		1,90	ODT:1,9	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	Bình San	X=497924.09; Y=1148505.47 X=497879.09; Y=1148298.94	2021

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
b	Công trình đăng ký mới thời kỳ 2021-2030										
4	Mở rộng Khu cách ly Trung tâm văn hóa phường Mỹ Đức	DVH		4,1	2,53	1,57	LUK	Thông báo số 295-TB/TU ngày 22/04/2021 của Thành ủy Hà Tiên về kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về Tờ trình số 67/TTr-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố	Mỹ Đức	XY=496343.27,1150928.33 XY=496313.8,1150773.82	2021-2025
5	Tri đức học xá - nhà lưu niệm Đồng Hồ	DVH		0,13		0,13	DGD;ODT	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Đồng Hồ	XY=498757.64,1148161.25 XY=498751.96,1148119.44	2021
6	Trung tâm VHTT phường Tô Châu	DVH		0,25		0,25	CLN	Phòng VHTT đăng ký	Tô Châu		2021-2030
7	Trung tâm VHTT phường Bình San	DVH		0,25		0,25	CLN	Phòng VHTT đăng ký	Bình San		2021-2030
XIV	Đất khu vui chơi giải trí công cộng										
a	Công trình chuyển tiếp										
1	Công viên văn hóa núi Bình San giai đoạn 2 (bồi hoàn)	DKV	2,73	2,73		2,73	CLN:2,73	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Bình San	XY:497649.593,1149221.276 XY:497733.197,1148889.495	2021
+	Hạng mục: Xây dựng sân thể thao đa năng	DTT	0,73	0,73		0,73	CLN:0,73	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	Bình San		
+	Hạng mục: Xây dựng công viên cây xanh, khu vui chơi	DKV	2,00	2,00		2,00	CLN:2	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	Bình San		
2	Công viên văn hóa và làng sinh thái Đồng Hồ	DKV	32,00	32,00		32,00	CLN:4,5/NTS:27,5		Đồng Hồ	XY:498902.263,1148296.939 XY:498968.380,1148289.913	2021
3	Công viên quảng trường Chiêu Anh Các (giai đoạn 2)	DKV	0,30	0,30		0,30	ODT:0,3	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 24/07/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên: Về kế hoạch đầu tư công năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Tiên.	Đồng Hồ	X=497924.09; Y=1148505.47 X=497879.09; Y=1148298.94	2021
4	Nút giao thông công viên Rach Ụ và công viên Mương Đào	DKV	0,50	0,70		0,70	CLN:0,6 ha ODT: 0,1 ha	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Đồng Hồ	X=498792.32; Y=1149027.90 X=498701.51; Y=1149061.90	2021
5	Công viên mũi tàu phường Tô Châu (đối diện bến xe)	DKV	1,40	0,99		0,99	CLN:0,99	- Nghị quyết 291/2019/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết 154/2020/NQ-HĐND ngày 15/07/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên về Dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách thành phố	Tô Châu	XY:498924.663,1146994.766 XY:498843.329,1146959.738	2021
6	CV quảng trường xã Tiên Hải	DKV	0,15	1,12		1,12	MVB		Tiên Hải	XY:495336.767,1143791.515 XY:495305.286,1143760.125	2021-2030
7	Hòn Phụ Tử Tiên Hải	DKV	1,00	1,00		1,00	RPH:1	Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 95/2019/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 của HĐND thành phố Hà Tiên về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2019 trên địa bàn thành phố Hà Tiên	Tiên Hải	X=495216.79; Y=1144613.02 X=495256.61; Y=1144520.50	2021
8	Hòn khô Tiên Hải	DKV	0,7	1,02		1,02	RPH	Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 95/2019/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 của HĐND thành phố Hà Tiên về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2019 trên địa bàn thành phố Hà Tiên	Tiên Hải	X=494124.05; Y=1144136.34 X=494077.34; Y=1144078.62	2021
b	Công trình đăng ký mới thời kỳ 2021-2030										
	Chuyển đất trường tiểu học Bình San sang quy hoạch đất Công viên, khu vui chơi, giải trí	DKV		0,15		0,15	DGD		Bình San		2022
9	Công viên trước và sau tượng đài Mạc Cửu	DKV		0,20		0,20	CLN;ODT	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Tô Châu	XY=499009.96,1146338.23 XY=499042.23,1146397.39	2021
XV	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo:										
a	Công trình chuyển tiếp										
	<i>Bậc mầm non, mẫu giáo:</i>										
1	Trường Mẫu giáo Pháo Đài (khu phố II)	DGD	0,40	0,40	0,40		DGD		Pháo Đài	XY:495047.361,1147389.654 XY:495047.361,1147389.654	2021-2030

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
2	Mở rộng trường mầm non Tô Châu	DGD	0,10	0,10		0,10	CLN	Nghị quyết số 179/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh và Trung ương	Tô Châu	XY:498475.419,1147464.627 XY:498501.233,1147505.152	2021-2030
3	Trường mầm non Thuận Yên (ấp Ngã Tư)	DGD	0,50	0,50		0,50	CLN:0,2/NTS:0,3	Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Thuận Yên	XY:501623.299,1145346.957 XY:501473.707,1145453.428	2021-2030
	Bậc tiểu học:										
4	Trường tiểu học Đông Hồ	DGD	1,20	1,20		1,20	ODT:1,2	Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 24/07/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên	Đông Hồ	X=498405.64;Y=1149204.30 X=498408.84;Y=1149090.17	2021-2030
5	Trường Tiểu học Mỹ Đức và THCS Mỹ Đức	DGD	1,20	1,20	0,60	0,60	LUK:0,6	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên Quyết định số 900a/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND thành phố Hà Tiên	Mỹ Đức	XY=496028.87,1151167.68 XY=496095.67,1151080.95	2021
	Bậc trung học cơ sở:										
6	Trường TH&THCS Cừ Đút	DGD	0,15	0,97	0,15	0,82	CLN	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Đông Hồ	XY:501282.304,1150181.854 XY:501261.256,1150162.814	2021
7	Trường THCS Bình San giai đoạn 2	DGD	0,50	0,50		0,50	CLN:0,5	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang '- Nghị quyết 154/2020/NQ-HĐND ngày 15/07/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên về Dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách thành phố	Bình San	XY:497244.500,1148871.653 XY:497204.801,1149066.865	2021
b	Công trình đăng ký mới thời kỳ 2021-2030										
	Trường Đại học Duy Tân	DGD		1,28		1,28	NTS		Mỹ Đức	XY=496733.12,1150173.30 XY=496889.82,1149905.96	2021-2030
8	Xây mới trường tiểu học Bình San	DGD		1,00		1,00	CLN	Phòng GD-ĐT đăng ký (Đạt chuẩn Quốc gia và phù hợp kinh tế xã hội)	Bình San		2021-2030
9	Trường Mầm non Mỹ Đức	DGD		0,6		0,6	CLN	Phòng GD-ĐT đăng ký (Đạt chuẩn Quốc gia và phù hợp kinh tế xã hội)	Mỹ Đức	XY=496596.54,1151335.63 XY=496474.55,1151274.20	2021-2030
10	Mở rộng trường mầm non Đông Hồ	DGD		0,37	0,28	0,09	CLN	Phòng GD-ĐT đăng ký	Đông Hồ	XY=498611.18,1149092.10 XY=498598.52,1149059.33	2021-2030
11	Mở rộng xây mới trường tiểu học Thuận Yên (điểm N1)	DGD		1,11	0,45	0,66	NTS	Quyết định số 860b/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND thành phố Hà Tiên	Xã Thuận Yên	XY=501227.83,1145193.56 XY=501274.72,1145281.90	2021-2030
12	Trường mầm non Tô Châu	DGD		0,60		0,60	CLN	Phòng GD-ĐT đăng ký	Tô Châu	XY=500335.07,1146753.44 XY=500372.97,1146630.98	2021-2030
13	Trường Mầm non Bình San	DGD		0,50		0,50	CLN	Nghị quyết số 532/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ thực hiện trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Bình San	XY=497191.10,1148873.54 XY=497237.98,1148776.50	2021
14	Trường trung học cơ sở Thuận Yên	DGD		0,71		0,71	TSC	Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách thành phố	Thuận Yên	XY=501566.87,1145395.37 XY=501442.26,1145398.04	2021
15	Trường Tiểu học và THCS Tiên Hải	DGD		1,04	1,01	0,03	CLN	Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên	Tiên Hải	XY=481155.32,1140889.37 XY=481166.73,1140854.58	2022
XVI	Đất cơ sở thể dục - thể thao:										
1	Sân vận động	DTT	0,26	0,26		0,26	MNC:0,26		Tiên Hải		2021-2030
XVII	Đất chợ										
a	Công trình chuyển tiếp										
1	Chợ Tô Châu	DCH	0,20	0,20		0,20	DGT:0,2		Tô Châu	XY=499051.59,1147009.52 XY=498967.39,1147009.39	2021-2030
2	Chợ Mỹ Đức mở rộng	DCH	0,95	0,95	0,50	0,45	LUK:0,45		Mỹ Đức	XY:495738.791,1151938.357 XY:495698.553,1151971.232	2021-2030

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
b	Công trình đăng ký mới thời kỳ 2021-2030										
3	Chợ Bình San	DCH		0,2		0,2	CLN	Phòng Kinh tế đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Bình San		2021-2030
4	Chợ Đông Hồ	DCH		0,2		0,2	CLN	Phòng Kinh tế đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Đông Hồ		2021-2030
5	Chợ Thuận Yên	DCH		0,2		0,2	NTS	Phòng Kinh tế đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Xã Thuận Yên	XY=501330.64,1146320.65 XY=501276.09,1146233.81	2021-2030
*	Bố trí các khu đất, thửa đất thực hiện thủ tục bán đấu giá quyền sử dụng sang đất thương mại dịch vụ:										
6	Đấu giá, cho thuê quyền sử dụng đất Lô E4, E5 thuộc dự án khu đô thị mới thành phố Hà Tiên	DCH		0,94		0,94	DGD:0,56ha DKV:0,38ha	Công văn số 398/UBND-TCKH về việc thống nhất cho Liên Hiệp Hợp tác xã Việt Nam khảo sát đầu tư dự án trên địa bàn thành phố Hà Tiên	Pháo Đài	XY=496531.34,1147920.68 XY=496548.26,1147936.34	2021
XVIII	Đất cơ sở y tế										
1	Trung tâm y tế xã Tiên Hải	DYT	0,06	0,06		0,06	NTS:0,06	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	Tiên Hải	X=495167.73; Y=1143770.26 X=495151.42; Y=1143784.17	2021
XIX	Đất cơ sở tín ngưỡng										
1	Miếu Bà Cứu Thiên	TIN		0,30		0,30	CLN	Hiện trạng đã sử dụng qua nhiều năm, tuy nhiên chưa được cấp GCN	Bình San	XY=498177.92,1148723.53 XY=498217.23,1148627.97	2021
XX	Đất ở										
a	Bố trí các khu đất, thửa đất thực hiện thủ tục bán đấu giá quyền sử dụng sang đất ở:										
*	Công trình chuyển tiếp										
1	Đấu giá Cụm Phòng GD-ĐT, Hội nông dân (đường Mạc Công Du, KP 1)	ODT	0,07	0,07		0,07	DGD:0,04/ TSC:0,03	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2018	Đông Hồ	XY=498514.76,1148095.93 XY=498516.32,1148103.98	2021
2	Khu đất ở đường Kim Dự	ODT	0,29	0,29	0,18	0,11	DCH:0,11		Tô Châu	XY:498691.825,1148169.319 XY:498691.719,1148165.921	2021
3	Đấu giá quyền sử dụng đất tại núi dền (Chuyển đất An ninh qua đất ở đô thị)	ODT	0,56	0,56		0,56	CAN:0,56	Công văn số 7383/VP-KTCN của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang: Về việc chấp thuận bổ sung Danh mục dự án đấu giá quyền sử dụng đất tại núi Dền, phường Pháo Đài, thành phố Hà Tiên.	Pháo Đài	X=493988.00; Y=1147307.62 X=493981.22; Y=1147326.19	2021
4	Cập đường số 01 KDT mới (KP 2)	ODT	2,49	2,49	0,89	1,60	CLN:1,6	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2018	Pháo Đài	XY:496704.299,1148095.319 XY:497412.644,1148166.508	2021
5	Đấu giá quyền sử dụng đất khu vực chợ đầu mối thủy hải sản Mương Đào	ODT	2,66	0,77		0,77	TMD	Công văn số 1533/UBND-KT ngày 03/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc chấp thuận bổ sung danh mục dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố Hà Tiên	Đông Hồ	X=498835.47; Y=1149221.48 X=498840.23; Y=1149122.08	2021
6	Khu dân cư và tái định cư Rạch Ụ	ODT	3,50	3,50		3,50	CLN:3,5	Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 24/07/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên	Đông Hồ	X=498434.48; Y=1149184.29 X=498584.20; Y=1149008.40	2021
7	Đấu giá trụ sở KP1	ODT	0,01	0,01		0,01	TSC:0,01	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2018	Đông Hồ		2021
8	Đấu giá quyền sử dụng đất trường tiểu học Đông Hồ (cũ)	ODT	0,85	0,85		0,85	DGD:0,85	Thành phố đang trình chủ trương	Đông Hồ	X=498525.56; Y=1148518.56 X=498598.94; Y=1148505.19	2021
9	Khu tập thể ngân hàng (Đường Tô châu, KP. 1)	ODT	0,10	0,10	0,10		ODT	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2018	Đông Hồ	XY:498772.295,1148318.720 XY:498735.271,1148342.915	2021
10	Lô 9, Tái định cư Trục chính quảng trường (Góc đường Mạc Cửu -Tô Châu, Kp1)	ODT	0,01	0,01	0,01		ODT	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2018	Đông Hồ	XY=498628.34,1148220.08 XY=498623.39,1148215.22	2021-2030
11	Trung tâm y tế dự phòng (KP 1)	ODT	0,01	0,01		0,01	DYT:0,01	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2018	Đông Hồ	XY:498638.882,1148193.898 XY:498638.8141148190.198	2021-2030
12	Nhà hàng Giang Thành	ODT	0,13	0,13		0,13	TMD:0,13	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2018	Đông Hồ	XY:498466.239,1148062.886 XY:498459.169,1148063.454	2021-2030
13	Khu đất dọc TĐC trục chính quảng trường	ODT	0,003	0,003	0,003				Đông Hồ	XY:498700.817,1148209.961 XY:498700.540,1148221.121	2021

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
14	Đầu giá quyền sử dụng quỹ đất công tại khu phố Thạch Động, phường Mỹ Đức	ODT	15,00	15,00		15,00	NTS:15	Thông báo số 1113-TB/TU ngày 04/05/2018 kết luận của Ban Thường vụ thành ủy Hà Tiên Tờ trình số 158/TTr-UBND ngày 28/8/2019 của UBND thành phố Hà Tiên: Về việc chấp thuận chủ trương đầu giá quỹ đất công tại khu phố Thạch Động, phường Mỹ Đức để đầu tư dự án Khu đô thị dịch vụ Mỹ Đức, Hà Tiên.	Mỹ Đức	X=498123.33 ,Y=1150551.84 X=497568.48, Y=1150207.33	2021
15	Đầu giá quyền sử dụng đất lô A5	ODT	7,00	7,00	7,00		NTS	Thông báo số 765-TB/TU ngày 04/05/2018 kết luận của Ban Thường vụ thành ủy Hà Tiên Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 26/3/2019 của UBND thành phố Hà Tiên: Về việc bổ sung danh mục công trình, dự án sử dụng đất vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.	Pháo Đài	XY:496810.248,1147428.437 XY:497197.171,1147650.893	2021
*	Công trình đăng ký mới thời kỳ 2021-2030										
16	Đầu giá QSDĐ vườn ươm Ban quản lý công trình đô thị	ODT		0,26	0,26			Thông báo số 296-TB/TU ngày 22/04/2021 của Thành ủy Hà Tiên về kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về Tờ trình số 68/TTr-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố	Bình San	XY=497304.29,1148884.38 XY=497305.79,1148820.20	2021
17	Đầu giá quỹ đất công tại phường Pháo Đài để đầu tư dự án khu nhà ở nghỉ dưỡng cao cấp Mũi Nai-Pháo Đài-thành phố Hà Tiên	ODT		1,47		1,47	BCS	Công văn số 1533/UBND-KT ngày 03/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc chấp thuận bổ sung danh mục dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố Hà Tiên	Pháo Đài	XY=493695.18,1147770.29 XY=493858.74,1147613.85	2021
18	Đầu giá quỹ đất công tại xã Tiên Hải để đầu tư dự án khu nhà ở nghỉ dưỡng cao cấp Tiên Hải - thành phố Hà Tiên	ONT		1,33		1,33	BCS 0,33; MVB: 1,0	Công văn số 1533/UBND-KT ngày 03/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc chấp thuận bổ sung danh mục dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố Hà Tiên	Tiên Hải	XY=481489.37,1141458.38 XY=481386.13,1141269.17	2021
19	Đầu giá quỹ đất công để đầu tư dự án khu nhà ở nghỉ dưỡng cao cấp Bãi Nò-Pháo Đài-thành phố Hà Tiên	ODT		3,94		3,94	MVB	Công văn số 1533/UBND-KT ngày 03/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc chấp thuận bổ sung danh mục dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố Hà Tiên	Pháo Đài	XY=494852.63,1146727.03 XY=494610.68,1146486.33	2021
20	Đầu giá quỹ đất công để đầu tư khu dân cư dịch vụ - du lịch biển Thuận Yên-thành phố Hà Tiên	ONT		6,51		6,51	BCS	Thông báo số 1506-TB/TU ngày 03/04/2020 của Thành Ủy Hà Tiên về kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 30/03/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố	Thuận Yên	XY=500648.37,1144489.50 XY=501444.34,1143532.15	2021
21	Đầu giá quỹ đất công để đầu tư khu dân cư dịch vụ du lịch biển Tà Lu	ODT		5,1		5,1	BCS:1,50ha MVB:3,60ha	Danh mục dự kiến đầu giá giai đoạn 2021-2025	Pháo Đài	XY=493694.87,1147708.02 XY=493827.13,1147561.13	2021-2025
22	Đầu giá khu đất Công an, Tòa án, Viện kiểm sát	ODT		0,96		0,96	CAN:0,81ha TSC:0,15ha	Danh mục dự kiến đầu giá giai đoạn 2021-2025	Đồng Hồ	XY=498673.85,1148401.63 XY=498679.61,1148359.34	2021-2025
b	Bố trí các hạng mục nâng cấp, cải tạo và đầu tư xây dựng các khu dân cư, khu tái định cư, các khu chính trang đô thị;										
*	Công trình chuyển tiếp										
23	Khu dân cư Hòn Đốc và du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Hòn Đốc	ONT	9,81	10,55		10,55	CLN:2,32/ RPH:6,23/ ONT:1,0/ DGT:1,0	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND TP Hà Tiên về phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết	Tiên Hải	XY:494538.645,1143816.409 XY:494415.566,1144092.191	2021
24	Di dời các hộ dân ven biển đảo Hòn Đốc, xã Tiên Hải	ONT	0,05	0,05		0,05	ONT:0,05	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Tiên Hải	X=494605.87;Y=1143619.40 X=494668.83; Y=1143573.66	2021
25	Chính trang tuyến dân cư dọc theo lộ vòng quanh đảo Hòn Tre	ONT	7,59	7,59		7,59	RPH:2,5/ BCS:5,09		Tiên Hải	XY:494010.788,1142467.434 XY:494000.543,1142454.996	2021-2030
26	Chính trang đô thị + Công viên (Công viên lô 4B phường Tô Châu - trước ACM)	ODT;DKV	3,93	3,93		3,93	CLN:3,93	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2018; Mục IV của Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 19/9/2017 của UBND thành phố Hà Tiên về việc chấp thuận điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2016 - 2020 đã được Ban Chấp hành Đảng bộ Thị ủy thông nhất tại Thông báo số 687/TB-TU ngày 06/10/2017 Nghị quyết 154/2020/NQ-HĐND ngày 15/07/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên về Dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách thành phố	Tô Châu	XY:498681.463,1146491.021 XY:498465.078,1146939.065	2021

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
27	Tổ 6, khu phố 1 - phường Tô Châu (Bồi hoàn)	ODT	4,36	4,36		4,36	DGT:4,36	Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách thành phố	Tô Châu	XY:498862.310,1147840.667	2021
28	KDC chính trang	ODT	1,80	1,80		1,80	CLN:1,8		Bình San	XY:496806.182,1149208.131 XY:497149.909,1148871.918	2021-2030
29	KDC Khu phố 5	ODT	23,56	23,56		23,56	CLN:17,21 NTS: 1,95 ODT:4,4		Bình San	XY:496806.182,1149208.131 XY:497149.909,1148871.918	2021-2030
30	KDC dọc tuyến TL 28	ODT		3,00		3,00	CLN		Pháo Đài	XY:497519.312,1148322.431 XY:494884.748,1150016.685	2021-2030
31	KDC dịch vụ hậu cần cảng vật liệu xây dựng	ODT (5,83ha); SKC(2,19ha); DHT(22,07ha)		30,00		30,00	CLN:30	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Tô Châu	XY:500309.186,1147402.141 xy:501260.479,1147190.351	2021-2030
32	KDC đường Vành đai Nam Đông Hồ	ODT	20,00	20,00		20,00	CLN:20	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Tô Châu	XY:498921.177,1147884.006 XY:500246.018,1147412.382	2021
+	Đường vành Đai Nam Sông Hồ	DGT	4,04	4,04		4,04	CLN:0,69/ TMD:0,19/ SON:0,05/ BCS:3,11	Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách thành phố	Tô Châu		2021
+	Công viên Nam Hồ	DKV	3,15	3,15		3,15	MNC:3,15		Tô Châu		2021
33	Khu TĐC Chôm Xoài	ODT							Tô Châu		2021-2030
34	Cụm dân cư tập trung	ODT	12,05	12,05		12,05	LUK:4,5/CLN:7,55		Mỹ Đức		2021-2030
*	Công trình đăng ký mới thời kỳ 2021-2030										
35	Dự án xây dựng tuyến dân cư biên giới, phường Đông Hồ, thành phố Hà Tiên (giai đoạn 2)	ODT		5,55		5,55	CLN:3,33/NTS:2,22	Công văn số 127/BNN-KTHT ngày 08/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc bố trí vốn thực hiện các dự án bố trí dân cư vùng thiên tai, biên giới và ổn định dân di cư tự do Tờ trình số 94/TTr-SNN&PTNT ngày 03/03/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang về việc đăng ký bổ sung nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án năm 2021 do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư	Đông Hồ		2021
36	Chuyển mục đích sang đất ở tại khu 1, khu 2 (Khu tái định cư Mỹ Đức 45,00ha)	ODT		7,84		7,84	NTS	Công văn số 1292/UBND-KT ngày 20/08/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc chấp thuận điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Hà Tiên	Mỹ Đức	XY=496358.38,1149706.68 XY=496781.10,1149533.64	2021-2030
37	Khu biệt thự Biển Vàng phường Pháo Đài	ODT:0,36/DKV:0,22/DGT:0,24		0,82		0,82	CLN	Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 15/09/2020 của UBND thành phố Hà Tiên về việc phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng công trình Khu biệt thự Biển Vàng, phường Pháo Đài, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500, quy mô 8.232,9m2	Pháo Đài	XY=494332.86,1149290.17 XY=494246.41,1149248.49	2021-2030
38	Khu tái định cư khu phố Thạch Động, phường Mỹ Đức	ODT		7,80		7,80	LUK:5,90ha CLN:0,25ha DGD:0,60ha TSC:0,45ha ODT:0,6ha	Thông báo số 295-TB/TU ngày 22/04/2021 của Thành ủy Hà Tiên về kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về Tờ trình số 67/TTr-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố	Mỹ Đức	XY=496775.53,1151322.67 XY=496523.67,1151210.38	2021-2030
39	Khu tái định cư trường Tiểu học Mỹ Đức	ODT		0,18		0,18	LUK: DGD: 0.11	Công văn số 'Thông báo số 295-TB/TU ngày 22/04/2021 của Thành ủy Hà Tiên về kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về Tờ trình số 67/TTr-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố	Mỹ Đức	XY=495964.39,1152087.62 XY=495906.10,1152113.01	2021
c	Bố trí nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất tại các cụm, tuyến dân cư:										
*	Công trình chuyển tiếp										
40	Tuyến dân cư QL 80 (2 bên)	ODT	16,20	16,20		16,20	CLN:16,2		Mỹ Đức	xy:495153.293,1152620.502 xy:497557.327,1150419.123	2021-2030
41	Tuyến dân cư Tỉnh lộ 28	ODT	10,38	10,38		10,38	CLN:10,38		Mỹ Đức	XY:497519.312,1148322.431 XY:494884.748,1150016.685	2021-2030
42	Tuyến dân cư Lộ quốc phòng (1 bên)	ODT	5,10	5,10		5,10	CLN:5,1		Mỹ Đức	XY:497523.648,1153374.807 XY:498464.358,1152406.350	2021-2030
43	Tuyến dân cư đường Bến Xuồng (2 bên)	ODT	4,68	4,68		4,68	CLN:4,68		Mỹ Đức	XY:495538.263,1152310.847 XY:495606.248,1153124.861	2021-2030
44	Tuyến dân cư đường 2 Da (2 bên)	ODT	6,00	6,00		6,00	LUK:3/CLN:3		Mỹ Đức	XY:497243.000,1151118.971 XY:497584.557,1153144.318	2021-2030

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
 CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
45	Tuyến dân cư đường Thị Vạn (2 bên)	ODT	9,00	9,00		9,00	LUK:4,5/CLN:4,5		Mỹ Đức	XY:495044.053,1150583.616 XY:494621.900,1151929.439	2021-2030
46	Tuyến dân cư đường Tuần tra biên giới	ODT	10,80	10,80		10,80	LUK:3,5/CLN:3,2/ BCS:4,1		Mỹ Đức	XY:494977.852,1150808.622 XY:498464.358,1152406.350	2021-2030
47	Tuyến DC đường Kênh Rạch Giá - Hà Tiên	ONT	11,72	11,72		11,72	NTS:11,72		Thuận Yên	XY:507129.653,1143166.081 XY:503463.505,1145673.023	2021-2030
48	Tuyến DC đường ranh H.Kiên Lương	ONT	13,83	13,83		13,83	NTS:13,83		Thuận Yên	XY:504033.871,1140748.810	2021-2030
49	Tuyến DC đường KDC vượt lũ	ONT	2,98	2,98		2,98	NTS:2,98		Thuận Yên	XY:500865.680,1144427.800 XY:502005.468,1146528.137	2021-2030
50	Tuyến DC đường Kênh Nông trường	ONT	3,19	3,19		3,19	NTS:3,19		Thuận Yên	XY:502096.955,1143195.003 XY:506868.625,1143328.023	2021-2030
51	Tuyến DC đường Lộ Hà Giang	ONT	0,67	0,67		0,67	CLN:0,67		Thuận Yên	xy:502628.040,1147226.600 xy:502254.175,1146613.503	2021-2030
52	Tuyến DC đường Núi Nhọn	ONT	15,68	15,68		15,68	CLN:9,5/NTS:6,18		Thuận Yên	XY:501193.365,1144110.254 XY:502981.540,1143974.460	2021-2030
53	Tuyến DC đường Xoa Áo - Núi Đồng	ONT	3,60	3,60		3,60	CLN:1,2/NTS:2,4		Thuận Yên	XY:503118.195,1143021.740 XY:503672.783,1143422.321	2021-2030
54	Tuyến DC đường Kênh Núi Đồng	ONT	9,66	9,66		9,66	CLN:3,2/NTS:6,46		Thuận Yên	XY:503412.068,1144032.757 XY:503943.395,1143632.642	2021-2030
55	Tuyến DC đường Núi Đồng	ONT	3,97	3,97		3,97	CLN:1,5/NTS:2,47		Thuận Yên	XY:503412.068,1144032.757 XY:503943.395,1143632.642	2021-2030
56	Tuyến DC đường Xoa Áo	ONT	9,83	9,83		9,83	CLN:4,5/NTS:5,33		Thuận Yên	XY:502505.280,1142568.025 XY:503773.887,1140716.887	2021-2030
57	Tuyến DC đường QL 80	ONT	15,06	15,06		15,06	LUK:7/CLN:8,06		Thuận Yên	XY:502927.348,1141166.346 XY:499712.898,1145750.537	2021-2030
*	Công trình đăng ký mới thời kỳ 2021-2030										
58	Chuyển mục đích đất rừng phòng hộ khu vực Đầm Đông Hồ và đường tuần tra Biên giới	ODT		19,92		19,92	RPH	UBND phường đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Đông Hồ	XY=500155.71,1151197.53 XY=502889.08,1155197.45	2021-2030
59	Chuyển mục đích tuyến đường nhánh vào đồn biên phòng Hà Tiên (từ chốt gác quốc phòng Mương Đào đến trạm kiểm soát biên phòng Vàm Hàng) giai đoạn 2	ODT		8,36		8,36	NTS	UBND phường đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Đông Hồ	XY=500155.71,1151197.53 XY=501847.23,1152195.96	2021-2030
60	Chuyển mục đích tuyến đường đê quốc phòng	ODT		12,18		12,18	NTS	UBND phường đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Đông Hồ	XY=502294.06,1152214.82 XY=504409.70,1150472.65	2021-2030
61	Chuyển mục đích tuyến bờ Đông Sông Giang Thành - Cừ Đứt	ODT		2,00		2,00	NTS	UBND phường đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Đông Hồ	XY=504409.70,1150472.65 XY=501489.31,1150417.36	2021-2030
62	Tuyến dân cư công sau Trung đoàn 20	ONT		1,50		1,50	CLN	UBND xã đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Thuận Yên	XY=500004.38,1146568.77 XY=500299.86,1146297.72	2021-2030
63	Tuyến dân cư đường tổ 5 - rạch Vượt	ONT		1,50		1,50	CLN	UBND xã đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Thuận Yên		2021-2030
64	Tuyến dân cư từ trạm cấp nước đến kênh rạch Núi	ONT		2,00		2,00	CLN:1,00 ha NTS:1,00 ha	UBND xã đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Thuận Yên		2021-2030
65	Tuyến dân cư đường kênh Xáng	ONT		3,00		3,00	NTS	UBND xã đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Thuận Yên		2021-2030
	Trong đó chỉ tiêu chuyển mục đích nhỏ lẻ của hộ gia đình, cá nhân										
+	<i>Nhu cầu nhỏ lẻ chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn</i>		9,00	9,00	0,00	9,00	CLN:9		Thuận Yên, Tiên Hải		2021-2030
+	<i>Nhu cầu nhỏ lẻ chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn</i>		6,00	6,00		6,00	CLN:6		Thuận Yên		2021-2030
+	<i>Nhu cầu nhỏ lẻ chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn</i>		3,00	3,00		3,00	CLN:3		Tiên Hải		2021-2030
+	<i>Nhu cầu nhỏ lẻ chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị</i>		36,06	36,06		36,06	LUK:6,06/ CLN:17/NTS:13		Mỹ Đức, Tô Châu, Đông Hồ, Bình San, Pháo		2021-2030
+	<i>Nhu cầu nhỏ lẻ chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị</i>		8,00	8,00		8,00	LUK:3/ CLN:3/NTS:2		Mỹ Đức		2021-2030
+	<i>Nhu cầu nhỏ lẻ chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị</i>		8,00	8,00		8,00	CLN:4/NTS:4		Tô Châu		2021-2030
+	<i>Nhu cầu nhỏ lẻ chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị</i>		8,00	8,00		8,00	CLN:4/NTS:4		Đông Hồ		2021-2030
+	<i>Nhu cầu nhỏ lẻ chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị</i>		3,00	3,00		3,00	CLN:3		Bình San		2021-2030

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
+	Nhu cầu nhỏ lẻ chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị		9,06	9,06		9,06	LUK:3,06 /CLN:3/NTS:3		Pháo Đài		2021-2030
+	Đất TMD sang ODT		1,97	1,97		1,97	TMD:1,97		Mỹ Đức		2021-2030
d	Khu vực bố trí đầu tư xây dựng và kêu gọi đầu tư thực hiện các dự án kết hợp giữa: Khu đô thị mới - Trung tâm thương mại, dịch vụ - Du lịch nghỉ dưỡng										
*	Công trình chuyển tiếp										
1	Khu đô thị thương mại cửa khẩu quốc tế Hà Tiên	TMD:20,2 ha/ ODT:20,2 ha/ DGT:9,6 ha/	50,00	50,00		50,00	LUK:33,39/ CLN:5/ NTS:5,67/ ODT:5,54/ NTD:0,4/	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Mỹ Đức	X=493674.48; Y=1152676.39 X=494796.62; Y=1152166.94	2021
2	Sân golf + Biệt thự nghỉ dưỡng cửa khẩu quốc tế Hà Tiên	TMD:13 ha/ ODT:35 ha/ DDL:15 ha/ DVH:2 ha/ DGT:9 ha/ DKV:25 ha/	99,00	99,00		99,00	RPH:15,43/ BCS:13,08/ MVB :70,49	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Mỹ Đức	X=493225.41; Y=1152282.88 X=494294.45; Y=1150191.32	2021
+	Hạng mục thành phần: Công viên kết hợp rừng phòng hộ (đường ra cột mốc 314)	DKV		7,02		7,02	BCS	Nghị quyết 154/2020/NQ-HĐND ngày 15/07/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên về Dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách thành phố	Mỹ Đức	X=493225.41; Y=1152282.88 X=494294.45; Y=1150191.32	2021
3	Dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng xã đảo Tiên Hải (Giai đoạn 2)	ONT:10 ha/ DGT:5 ha/ TMD:2 ha/ DVH:2 ha/ DKV:1 ha/	20,00	20,00		20,00	MVB :20	Nghị quyết 154/2020/NQ-HĐND ngày 15/07/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên về Dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách thành phố	Tiên Hải	X=494578.06; Y=1143727.21 X=494872.53; Y=1143407.40	2021
4	Khu đô thị, dịch vụ du lịch biển Pháo Đài	TMD:15 ha/ ODT:35 ha/ DDL:30 ha/ DKV:10 ha/ DGT:9 ha/	99,00	99,00		99,00	MVB :99	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Pháo Đài	X=496588.82; Y=1147298.41 X=495847.46; Y=1146167.33	2021
5	Khu đô thị DV-DL Resort cao cấp Bãi Nỏ	ODT:4 ha/ TMD:4 ha/ DHT:4,5 ha/ DDL:7,5 ha/	20,00	14,00		14,00	LUK:1CLN:8/ NTS:1/ODT:2/ DGT:1/BCS:7	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 24/08/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt danh mục kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018-2020	Pháo Đài	X=494717.81; Y=1146991.79 X=495268.64; Y=1146702.96	2021
6	Khu du lịch Resort nghỉ dưỡng cao cấp Bãi Bàng	TMD:10 ha/ DDL:18 ha/ ODT:10 ha/ DGT:7 ha/	45,00	45,00		45,00	LUK:8/CLN:21/ODT:9/DGT:5/BCS:0,87	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Pháo Đài	X=494406.37; Y=1147759.28 X=493897.28; Y=1147094.28	2021-2030
7	Khu đô thị dịch vụ - du lịch biển Thuận Yên	TMD:37,5 ha/ ONT:37,5 ha/ DKV:5 ha/ DTT:0,22 ha/ DVH:5,05 ha/ DYT:0,6 ha/ DGT: 12,5	99,00	99,00		99,00	MVB :99	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Thuận Yên	X=499833.79; Y=1143929.59 X=500834.91; Y=1142908.31	2021
8	Khu dân cư TM-DV- đảo Hòn Đốc	TMD:6 ha/ ONT:15 ha/ DKV:2,3 ha/ TSC:1 ha/ DGT:4 ha/ DTT:0,2 ha/ DVH:2,8 ha/	31,30	31,30		31,30	MVB :31,3	Tờ trình 191/2019/TTr-HĐ1 của Công ty Cổ phần Hà Đô 1 về đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư	Tiên Hải	X=495793.06;Y=1144167.10 X=495660.43; Y=1144422.37	2021
9	Dự án lấn biển Khu đô thị du lịch Nam Hà Tiên II	TMD:7 ha/ ODT:20 ha/ DKV:2 ha/ TSC:1 ha/ DHT:9,79 ha	39,79	39,79		39,79	MVB :39,79		Tô Châu	X=497307.14; Y=1146048.82 X=497181.88; Y=1145690.76	2021
10	Khu Bungalow trên núi đèn	ODT	10,00	10,00		10,00	MVB :10	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Pháo Đài	X=494116.47; Y=1149428.62 X=493822.48; Y=1149103.52	2021
11	Mở rộng bãi biển Bãi Bàng	ODT	10,00	10,00		10,00	BCS: 1,7/ MVB: 8,3		Pháo Đài	XY:493576.871,1147516.457 XY:493360.715,1147284.698	2021
12	Khu nghỉ dưỡng TM-DV-DL cao cấp núi đèn	TMD;ODT	20,00	18,00		18,00	RPH:18	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về danh mục kêu gọi đầu tư bổ sung năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018-2020	Pháo Đài	XY:493967.894,1146288.353 XY:493866.805,1146453.703	2021
13	Khu đô thị TM-DV-DL biển Tiên Hải - Thành Phố Hà Tiên	TMD:20 ha/ ONT:50 ha/ DKV:5 ha/ TSC:1 ha/ DGT:15 ha/ DTT:2 ha/ DVH:6 ha/	99,80	99,80		99,80	MVB :99,8	Tờ trình 86/TTr-UBND ngày 17/05/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên	Tiên Hải	XY:494232.086,1144325.836 XY:493252.804,1144129.971	2021
14	Khu đô thị phức hợp Pháo Đài (lô A5)	ODT;TMD	10,00	10,00		10,00	DGT:3,5/ MVB :6,5	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Pháo Đài	XY:496810.248,1147428.437 XY:497197.171,1147650.893	2021-2030

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
15	Khu đô thị mới phường Mỹ Đức	TMD:35 ha/ ODT:38 ha/ TSC:2 ha/ DGT:6 ha/ DKV:2 ha/ DTT:1 ha/ DVH:6 ha/	90,00	90,00		90,00	LUK:6/CLN:12,00/N TS:69,00/ODT:1,50/ DGT:1,50	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về danh mục kêu gọi đầu tư bổ sung năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018-2020	Mỹ Đức	XY:493744.272,1152684.093 XY:494618.928,1150313.304	2021
16	Khu đô thị biên giới cửa khẩu quốc Hà Tiên	ODT:17 ha/ DGT:5 ha	22,00	22,00		22,00	LUK:12,31/CLN:7/N TS:12/ ODT:1/DGT:2	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Mỹ Đức	XY:494329.344,1152751.198 XY:494853.171,1152238.458	2021
17	Khu dân cư đường Bãi Nò (Đường bãi nò GĐ 1, GĐ 2)	ODT;DHT	10,00	10,00		10,00	MVB :10		Pháo Đài	XY:495899.279,1147466.118 XY:495893.596,1147467.197	2021-2030
+	Đường Bãi Nò (giai đoạn I)	ODT	0,70	0,70		0,70	MVB :0,7	Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Pháo Đài		
+	Đường Bãi Nò (giai đoạn II)	ODT	1,00	1,00		1,00	MVB :1	Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Pháo Đài		
+	Khu dân cư đường Bãi Nò	ODT	8,30	8,30		8,30	MVB :8,3		Pháo Đài		2021-2030
18	Khu TM-DV kết hợp nhà ở	ONT	1,49	1,49		1,49	CLN:0,49/ODT:1	Tờ trình 11/TTr-UBND ngày 22/01/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên; Công văn số 0401/2019/CV-CEO ngày 07/01/2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	Bình San	X=498024.16;Y=1147834.92 X=498099.91; Y=1147655.26	2021
19	Khu TM-DV kết hợp nhà ở	ODT	5,00	5,00		5,00	MVB		Pháo Đài	X=498024.16;Y=1147834.92 X=498099.91; Y=1147655.26	2021
20	Khu phức hợp Cảng Hòa Bình	DHT;TMD	4,16	4,16		4,16	CLN:0,5/ODT:0,5/ MVB :3,16	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Tô Châu	X=497804.13 Y=1146804.96 X=497944.59 Y=1146602.36	2021
21	Đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố	ONT: 50 ha; TMD: 30 ha; DHT: 19 ha;	99,00	99,00		99,00	BCS:80/MVB :19	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về danh mục kêu gọi đầu tư bổ sung năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018-2020	Thuận Yên	XY:502582.070,1141204.417 XY:501498.977,1143537.791	2021
+	Khu tổ hợp đô thị Dịch vụ - Du lịch Thuận Yên Golden Bay	ODT:22,97/ TMD:9,91/ TSC:1,10/ DKV:5,33/ DGT:16,87/ DTL:1,28		57,46		57,46	BCS:52,96/ MVB:4,5	Công văn số 03/CV-CT ngày 27/05/2021 của Công ty cổ phần đầu tư Thuận Yên Golden Bay về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Pháo Đài	XY=502310.09,1142383.86 XY=502612.27,1141159.38	2021-2030
22	Đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố (Giai đoạn 2)	ONT: 40 ha; TMD: 40 ha; DHT: 19 ha;	99,00	99,00		99,00	MVB :99	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Thuận Yên; Tô Châu	XY:502582.070,1141204.417 XY:501498.977,1143537.791	2021
23	Khu dân cư TĐC Mương Đào	ODT	10,00	20,30		20,30	CLN	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Đồng Hồ	XY:498767.745,1149091.411 XY:497970.891,1149473.009	2021
24	Khu nuôi yển tập trung Mỹ Đức	ODT:18 ha/ DGT:2 ha/	20,00	20,00		20,00	NTS:20	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về danh mục kêu gọi đầu tư bổ sung năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018-2020	Mỹ Đức	XY:496748.778,1150218.054 XY:496846.133,1150953.687	2021-2030
25	Khu neo đậu tránh bão và khu hậu cần Mương Đào	TMD: 45ha; DHT: 10ha; ONT: 20 ha	75,00	94,61		94,61	CLN:20/RPH:37,78/ NTS:29,03/ ODT:2/DTL:5	Công văn số 210/UBND-QLĐT ngày 21/05/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên về việc chấp thuận chủ trương lập quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000, Khu neo đậu tránh bão và khu hậu cần Mương Đào, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, quy mô 94,61ha	Mỹ Đức, Đồng Hồ	XY:497779.485,1150233.243 XY:499603.956,1149925.804	2021
26	Khu nghỉ dưỡng TM-DV-DL Cảng	TMD: 10ha; DHT: 6,4ha; ODT: 15,4 ha	31,80	31,80		31,80	BCS:1,2/ MVB :30,6	Nghị quyết số 179/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh và Trung ương	Pháo Đài	XY:493971.858,1146181.467 XY:493448.902,1146462.061	2021
+	Cảng tổng hợp thành phố Hà Tiên	DGT		20,00		20,00	MVB :20	Nghị quyết 154/2020/NQ-HĐND ngày 15/07/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên về Dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách thành phố	Pháo Đài		2021
27	Mở rộng bãi biển Thuận Yên	ONT:40 ha/ DHT:15 ha/ TMD:44 ha/	99,00	99,00		99,00	DGT: 2,0/ BCS: 16,54/ MVB: 80,46	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	Thuận yên	XY:500538.5221144394.667 XY:501329.350,1143420.532	2021-2030

BIỂU 10/CH: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 (GIAI ĐOẠN: 2021-2030)
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Diện tích quy hoạch điều chỉnh đến 2020	Tổng diện tích giai đoạn (2021-2030)			Sử dụng từ loại đất đến 2030 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Tọa độ VN 2000	Năm thực hiện
				Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm					
28	Khu đô thị nông nghiệp Công nghệ cao và kết hợp chăm sóc sức khỏe	NKH:30 ha/ ODT:45,4 ha/ DGT:5 ha/ TMD:10 ha/	90,40	90,40		90,40	LUK:10/ NTS: 25/ ODT: 5,4/	Kèm theo công văn số 608/TB-VP ngày 20/09/2019 của Văn phòng Ủy ban tỉnh Kiên Giang về việc thông báo ý kiến kết luận của chủ tịch UBND tỉnh Phạm Vũ Hồng: "Đồng ý chủ trương cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Pharma Thành Phong nghiên cứu lập quy hoạch theo quy định;..."	Mỹ Đức	XY:497001.150,1153386.929 XY:496097.478,1153236.740	2021
XXI	Đất Khu di tích-Khu du lịch kết hợp										
1	Khu du lịch sinh thái quanh các đảo xã Tiên Hải	DDL	30,00	30,00		30,00	RPH:12/BCS:18		Tiên Hải		2021
2	KDL Mũi Nai	DDL	53,00	53,00	17,00	36,00	LUK:15/ CLN:15,3/ ODT:4,2/ BCS:1,5	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Pháo Đài	XY:493770.757,1148125.767 XY:494020.214,1148545.572	2021
3	Khu DTLS và DLTC núi Bình San	DDT	19,95	19,95	0,72	19,23	CLN:5/ODT:9,23/ DGT:5		Bình San	XY:497623.423,1148328.504 XY:497664.352,1148320.610	2021-2030
+	Khu di tích núi Bình San	DDT	5,00	5,00		5,00	CLN:4,5/ODT:0,5	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Bình San		2021
4	KDL Đầm Đông Hồ	DDL	50,00	50,00		50,00	NTS:50	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Đông Hồ	XY:501766.087,1149395.624	2021
5	KDL Thạch Động, Đá Dựng	DDL	55,00	55,00		55,00	LUK:9,85/ CLN:30,26/ RPH:7,48/ ODT:4/ MNC:3,41	Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Mỹ Đức	XY:497038.737,1152311.368 XY:496882.834,1152374.731	2021
6	Khu du lịch bãi Tà Lu (từ kênh Bà Lý-Mũi Nai)	DDL	50,00	50,00		50,00	LUK:8,66/ HNK:0,18/ CLN:8,82/ NTS:2,04/ ODT:1,82/ NTD:0,02/ DGT:0,88/ BCS:2,12/ MVB:25,48	Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang	Pháo Đài	XY:494393.075,1150060.307 XY:494050.336,1149100.976	2021
+	Khu tổ hợp du lịch Sala Hà Tiên Resort - Hotel	ODT:6,55/ DDL:16,69/ TMD:1,10/ DKV:5,00/ DGT:7,36		36,70		36,70	LUK:8,66/HNK:0,18/ CLN:8,80/NTS:2,04/ ODT:1,82/NTD:0,02/ DGT:0,88/BCS:2,12/ MVB:12,18		Pháo Đài	XY=494429.29,1149810.36 XY=494589.10,1149810.36	2021-2030
7	KDL sinh thái biển thuộc Quần đảo Hải tặc	ONT:10 ha/ DHT:5 ha/ DDL:15 ha/	30,00	10,00		10,00	RPH:3/BCS:5/ MVB :22	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 03/05/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về danh mục kêu gọi đầu tư bổ sung năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2018-2020	Tiên Hải	XY:494212.751,1143579.126 XY:494216.829,1143559.280	2021
8	KDL sinh thái biển thuộc Quần đảo Hải tặc giai đoạn 2	ONT:15 ha/ DHT:20 ha/ DDL:10 ha/		45,00		45,00	MVB		Tiên Hải		2021-2030
9	KDL sinh thái biển thuộc Quần đảo Hải tặc giai đoạn 3	ONT:15 ha/ DHT:20 ha/ DDL:10 ha/		45,00		45,00	MVB		Tiên Hải		2021-2030
10	Dự án lấn biển Khu đô thị du lịch Nam Hà Tiên III	ODT:20 ha/ DHT:20 ha/ TMD:10 ha/		50,00		50,00	MVB		Tô Châu		2021-2030
11	Dự án lấn biển Khu đô thị du lịch Nam Hà Tiên IV	ODT:20 ha/ DHT:20 ha/ TMD:10 ha/		50,00		50,00	MVB		Pháo Đài		2021-2030
B	ĐẤT NÔNG NGHIỆP										
I	Đất nuôi trồng thủy sản										
1	Chuyển mục đích đường đầu nối tuần tra biên giới	NTS		6,63		6,63	CLN	UBND phường đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Đông Hồ	XY=500350.25,1151328.74 XY=502718.65,1154901.68	2021-2030
2	Chuyển mục đích đất rừng phòng hộ khu vực Đầm Đông Hồ và đường tuần tra Biên giới	NTS		50		50	RPH	UBND phường đăng ký nhu cầu sử dụng đất	Đông Hồ	XY=500155.71,1151197.53 XY=502889.08,1155197.45	2021-2030
II	Đất nông nghiệp khác										
1	Khu chăn nuôi tập trung (Lò giết mổ)	NKH		10,00		10,00	RPH		Mỹ Đức	XY=498538.47,1150889.92 XY=498749.33,1150533.23	2021-2030

PHỤ LỤC I: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 (GIAI ĐOẠN: 2018-2020) CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG									
Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Tổng diện tích giai đoạn (2018-2020)			Sử dụng từ loại đất đến 2020 (đơn vị: ha)	Địa điểm	Năm thực hiện ĐCQH	Ghi chú
			Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm				
I	Đất trụ sở cơ quan								
1	Chốt canh phòng ấp Mỹ Lộ	TSC	0,21		0,21	LUK:0,1/ CLN:0,11	Mỹ Đức	2019	
2	Chốt canh phòng ấp Bà Lý	TSC	0,18		0,18	RPH	Mỹ Đức	2019	Đã thực hiện 0,18ha/0,20ha
3	Trụ sở BCH Quân sự Phường Pháo Đài	TSC	0,10		0,10	CLN:0,1	Pháo Đài	2019	
4	Trụ sở BCH Quân sự Phường Tô Châu	TSC	0,20		0,20	CLN:0,2	Tô Châu	2019	
II	Đất quốc phòng:								
5	Doanh trại tiểu đoàn bộ binh 519/Trung đoàn 893 thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Kiên Giang	CQP	1,94		1,94	CLN:1,82/ NTS:0,12	Thuận Yên	2019	
6	Đóng mới tàu chuyển quân Đại đội Bộ binh hỗn hợp 7/Tiểu đoàn BB519/Trung đoàn BB893 tại xã Tiên Hải	CQP	0,54		0,54	CLN:0,54	Tiên Hải	2018	
7	Công trình quốc phòng tại Hòn Đốc, xã Tiên Hải, tỉnh Kiên Giang	CQP	1,10		1,10	CLN:1,1	Tiên Hải	2018	
8	Bãi hạ cánh quân sự	CQP	0,40		0,40	CLN:0,4	Tiên Hải	2020	
III	Đất an ninh:								
9	Đội xuất nhập cảnh Quốc Tế	CAN	0,10		0,10	CLN:0,1	Mỹ Đức	2018	
IV	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp								
10	Khu công nghiệp Thuận Yên (Mở rộng)	SKK	140,74	108,62	32,12	CLN:27,59/ NTS:4,53	Thuận Yên	2019-2020	
V	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh:								
	Trung tâm thương mại, siêu thị								
11	Trung tâm thương mại	TMD	0,50		0,50	CLN:0,5	Bình San	2020	Đã thực hiện và đưa vào sử dụng
	Cửa hàng xăng dầu								
12	Cửa hàng xăng dầu p.Đông Hồ	TMD	0,30		0,30	ODT:0,3	Đông Hồ	2020	Doanh nghiệp đang hoạt động (thuê đất)
13	Cửa hàng xăng dầu xã Thuận Yên	TMD	0,15		0,15	CLN:0,15	Thuận Yên		Đã thực hiện bao gồm 4: Cửa hàng xăng dầu Thanh Bình, Thuận Đức, 5 Nghĩa; C Hữu Khương
VI	Đất sản xuất VLXD gồm sứ								
14	Nhà máy gạch Tuy-nen	SKX	73,00		73,00	NTS:73	Thuận Yên	2018-2020	
VII	Đất nghĩa trang, nghĩa địa								
15	Nhà tang lễ	NTD	0,23		0,23	CLN:0,23	Pháo Đài	2019	
VIII	Đất giao thông:								
	Đường huyện								
16	- Dự Án: nâng cấp hạ tầng danh lam thắng cảnh di tích núi Đá Dựng (Thuộc dự án phát triển CSHT du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng) - Hạng Mục: Đường nối từ KDL núi Đá Dựng đến KDL núi Thạch Động	DGT	5,97	1,33	4,64	CLN:2,88/ NTS:1,56/ ODT:0,20 DGT:1,33	Mỹ Đức	2019	
	Đường nội đô và đường nông thôn								
17	Đường cấp ao sen giai đoạn 3	DGT	0,12		0,12	CLN:0,07/ DGT:0,05	Bình San	2018	
18	Đường Núi Nhơn - Núi Đồng	DGT	0,09		0,09	CLN:0,06/ NTS:0,03	Thuận Yên	2018	
19	Đường Núi Đồng	DGT	0,55		0,55	NTS:0,55	Thuận Yên	2019	
20	Đường vào trường cấp II, III xã Thuận Yên	DGT	1,21		1,21	CLN:1,19/ SON:0,02	Thuận Yên	2019	
21	Hèm tổ 3, khu phố 4, phường Tô Châu	DGT	0,10		0,10	CLN:0,1	Tô Châu	2019	
22	Mở rộng đường Kim Dự	DGT	0,73	0,55	0,18	ODT:0,06/ DKV:0,07/ TMD:0,05	Tô Châu	2019	
23	Mở rộng đường Trần Công Ấn	DGT	0,13	0,10	0,03	TSC:0,03	Tô Châu	2018	
24	Mở rộng đường 30/4	DGT	0,43	0,37	0,06	CLN:0,03 ODT:0,03	Tô Châu	2018	
25	Xây dựng CSHT phục vụ phát triển KTXH xã Tiên Hải (Đường quanh đảo Hòn Giang)	DGT	3,17		3,17	CLN:0,97 RPH:0,20 BCS:2,00	Tiên Hải	2018	
26	Đường Lâm Văn Quang	DGT	0,05		0,05	ODT:0,05	Bình San	2020	
27	Đường Nam Hồ đi ngã 3 Hà Giang	DGT	0,51		0,51	CLN:0,10 ODT:0,20 DGT:0,21	Tô Châu; Thuận Yên	2020	
IX	Đất thủy lợi:								
28	Trạm cấp nước sạch (ấp Ngã Tư)	DTL	0,50		0,50	NTS:0,5	Thuận Yên	2020	
29	Cụm Cảng Hà Tiên	DTL	2,50		2,50	MVB: 2,5	Tô Châu	2020	
X	Đất cơ sở văn hóa								

**PHỤ LỤC I: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
ĐẾN NĂM 2020 (GIAI ĐOẠN: 2018-2020) CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG**

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Tổng diện tích giai đoạn (2018-2020)			Sử dụng từ loại đất đến 2020 (đơn vị: ha)	Địa điểm	Năm thực hiện ĐCQH	Ghi chú
			Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm				
30	Trung tâm văn hóa xã Thuận Yên	DVH	7,60		7,60	CLN:4,5 NTS:3,1	Thuận Yên	2020	Chỉnh tên "Trung tâm văn hóa xã Thuận Yên" thành " Nhà văn hóa đa năng xã Thuận Yên"
XI	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo:								
	<i>Bậc mầm non, mẫu giáo:</i>								
31	Trường Mầm Non Đông Hồ (KP1)	DGD	0,28		0,28	CLN:0,28	Đông Hồ	2018	Chỉnh tên dự án "Trường Mầm Non Đông Hồ (KP2)" thành "Trường Mầm Non Đông Hồ (KP1)"
	<i>Bậc trung học cơ sở:</i>								
32	Trường THCS Đông Hồ	DGD	1,63		1,63	CLN:1,63	Đông Hồ	2019	
XII	Đất ở								
a	Bố trí các khu đất, thửa đất thực hiện thủ tục bán đấu giá quyền sử dụng sang đất ở:								
33	Đấu giá KDC đường số 1 (khu CT)	ODT	3,20		3,20	CLN:0,5 NTS:2,7	Pháo Đài	2020	
34	Đường Lâm Tấn Phác (Cấp phòng cháy chữa cháy)	ODT	0,13		0,13	CLN:0,13	Bình San	2019	
35	Khu đất ở đường Kim Dữ	ODT	0,18		0,18	DCH	<i>Tô Châu</i>	<i>2019</i>	- Đã thực hiện đấu giá 0,18ha/0,29ha '- Chỉnh tên dự án "Đấu giá chợ Tô Châu cũ" thành "Khu đất ở đường Kim Dữ"
36	Đấu giá Khu đất Mương Đào	ODT	0,51		0,51	TMD	Đông Hồ	2020	- Đã bán đấu giá được 0,51ha/2,66ha. Điều chỉnh tổng diện tích đấu giá từ 2,66ha xuống 1,28ha. Chuyển tiếp 0,773ha qua năm 2021 để tiếp tục đấu giá '- Điều chỉnh tên dự án từ "Đấu giá Khu đất Mương Đào" thành "Đấu giá quyền sử dụng đất khu vực chợ đầu mối thủy hải sản Mương Đào", diện tích 0,773ha '- Thông báo số 1507A-TB/TU ngày 03/04/2020 của Thành ủy Hà Tiên về việc Thông báo kết luận của Ban thường vụ Thành ủy về tờ trình số 66/TTr-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố
37	Cấp đường số 01 KĐT mới (KP 2)	ODT	0,89		0,89	CLN	Pháo Đài	2018	Đã thực hiện đấu giá 0,89ha/2,49ha. Phần còn lại chuyển qua bán chỉ định
b	Bố trí các hạng mục nâng cấp, cải tạo và đầu tư xây dựng các khu dân cư, khu tái định cư, các khu chỉnh trang đô thị:								
38	Khu tái định cư đường Hoàng Diệu (cạnh UBND phường Bình San)	ODT	0,08		0,08	CLN:0,08	Bình San	<i>2019</i>	
XIII	Đất có mặt nước chuyên dùng								
39	Hồ chứa nước ngọt phục vụ sản xuất Xóm Eo	MNC	1,04		1,04	LUK:0,39/ CQP:0,65	Pháo Đài	2019	
40	Mở rộng hồ nước Tiên Hải	MNC	3,14		3,14	CLN:1,33/ RPH:1,81	Tiên Hải	2019	

PHỤ LỤC II:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH HỦY BỎ TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 (GIAI ĐOẠN: 2018-2020)

CỦA THÀNH PHỐ HÀ TIỀN - TỈNH KIÊN GIANG

Số thứ tự	Hạng mục	Mục đích QH	Tổng diện tích ĐCQH giai đoạn			Sử dụng từ loại đất đến 2020 (đơn vị: ha)	Căn cứ pháp lý	Địa điểm	Ghi chú
			Diện tích quy hoạch điều chỉnh	Diện tích hiện trạng	Diện tích thực hiện trong kỳ điều chỉnh				
I	Đất trụ sở cơ quan								
1	Mở rộng Đảng ủy phường Đông Hồ	TSC	0,02		0,02	ODT:0,02	Nghị quyết 219/2019/NQ-HĐND ngày 26/07/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Đông Hồ	Hủy bỏ quy hoạch mở rộng. Đang tiến hành khảo sát lựa chọn vị trí xây dựng mới "Trụ sở Đảng ủy - UBND phường Đông Hồ"
2	Trung tâm tư vấn dịch vụ xây dựng thành phố	TSC	0,30	0,30			Giao đất Nghị quyết số 180/2020/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Tiên	Pháo Đài	Đơn vị đã giải thể
II	Đất giao thông:								
	Quốc lộ								
3	Quốc lộ 80 (có đoạn trùng Đường HLVB)	DGT							
	- Đoạn qua phường Pháo Đài	DGT	3,96		3,96	CLN:3,96		Pháo Đài	Trùng với dự án "Hệ thống Hạ tầng kỹ thuật đường gom - đường Nguyễn Phúc Chu"
	- Đoạn qua phường Bình San	DGT	5,18		5,18	CLN:3,18 ODT:1,0 DGT:1		Bình San	Trùng với dự án "Hệ thống Hạ tầng kỹ thuật đường gom - đường Nguyễn Phúc Chu"
	Đường nội đô và đường nông thôn								
4	Đường Nguyễn Phúc Chu	DGT	0,40		0,40	CLN:0,4		Bình San	Trùng với dự án "Hệ thống Hạ tầng kỹ thuật đường gom - đường Nguyễn Phúc Chu"
5	Đường nhánh vào Đồn Biên phòng Hà Tiên	DGT	2,30		2,30	NTS:2,3	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2015	Đông Hồ	Trùng với dự án "Đường nhánh vào đồn biên phòng Hà Tiên (từ chốt gác quốc phòng Mương Đào đến trạm kiểm soát biên phòng Vàm Hạng) giai đoạn 2"
6	Bãi đậu xe (0,3ha/bãi x 3 bãi)	DGT	0,90		0,90	CLN:0,9		Pháo Đài	Hủy bỏ do trùng với dự án "Bãi đậu xe đường lên ngọn Hải Đăng", "Bãi xe Khu du lịch Mũi Nai"
III	Đất cơ sở y tế								
7	Trạm y tế phường Bình San	DYT	0,06		0,06	ODT:0,06	- Nghị quyết 291/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang - Nghị quyết 154/2020/NQ-HĐND ngày 15/07/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Tiên về Dự kiến nhu cầu Kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn ngân sách thành phố	Bình San	Hủy bỏ do không khả thi thực hiện (Theo đề xuất UBND phường Bình San)
IV	Đất chợ								
8	Chợ Pháo Đài	DCH	0,20		0,20	DGD:0,2		Pháo Đài	Hủy bỏ trùng với dự án "Đấu giá, cho thuê quyền sử dụng đất Lô E4, E5 thuộc dự án khu đô thị mới thành phố Hà Tiên"
V	Đất ở								
a	Bố trí các khu đất, thửa đất thực hiện thủ tục bán đấu giá quyền sử dụng sang đất ở:								
9	Khách sạn Lâm Văn Cao cũ (café Phương Thành)	ODT	0,08		0,08	TMD:0,08	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2018	Bình San	Hủy bỏ đấu giá do đã thực hiện cho thuê
10	Trường Mầm Non Đông Hồ (KP1)	ODT	0,11		0,11	DGD:0,11	Đã được phê duyệt trong kế hoạch năm 2018 Thông báo số 264/SKHĐT-THQH ngày 24/04/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang Về việc thông báo chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020	Đông Hồ	- Hủy bỏ đấu giá, do chuyển sang xây công trình "Tri thức học xá - nhà lưu niệm Đông Hồ"